

TTĐ

**CHÍNH PHỦ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 344 /BC-CP

Hà Nội, ngày 22 tháng 8 năm 2019

**BÁO CÁO**

**Sơ kết 05 năm triển khai thi hành Hiến pháp năm 2013 (2014-2019)**

|                                  |                   |
|----------------------------------|-------------------|
| CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ |                   |
| ĐẾN                              | Giờ: ... 5        |
|                                  | Ngày: ... 23/8/19 |

Kính gửi: Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Thực hiện Nghị quyết số 64/2013/QH13 ngày 28/11/2013 của Quốc hội quy định một số điểm thi hành Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (sau đây gọi là Nghị quyết số 64/2013/QH13), Nghị quyết số 718/NQ-UBTVQH13 ngày 02/01/2014 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Kế hoạch tổ chức triển khai thi hành Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (sau đây gọi là Nghị quyết số 718/NQ-UBTVQH13), Văn bản số 381/UBTVQH14-PL ngày 27/3/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc tiến hành sơ kết 05 năm triển khai thi hành Hiến pháp năm 2013, Chính phủ đã có văn bản yêu cầu các cơ quan, bộ, ngành, địa phương tiến hành sơ kết 05 năm triển khai thi hành Hiến pháp năm 2013,<sup>1</sup> bảo đảm phù hợp với yêu cầu của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phạm vi, nội dung sơ kết.

Trên cơ sở tổng hợp báo cáo của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán Nhà nước và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Chính phủ xin báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội về kết quả sơ kết 05 năm triển khai thi hành Hiến pháp năm 2013 (2014-2019) tập trung vào các nội dung: 1) Công tác chỉ đạo, điều hành triển khai thi hành Hiến pháp; 2) Tuyên truyền, phổ biến Hiến pháp; 3) Rà soát, ban hành văn bản quy phạm pháp luật phù hợp với Hiến pháp; 4) Việc các cơ quan, tổ chức thực hiện điều chỉnh cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định mới của Hiến pháp; 5) Việc triển khai các biện pháp cần thiết nhằm bảo đảm thi hành Hiến pháp. Cụ thể như sau:

**A. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THI HÀNH HIẾN PHÁP**

**I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH**

1. Trên cơ sở Nghị quyết số 64/2013/QH13, Đảng đoàn Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã chỉ đạo xây dựng văn bản trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư

<sup>1</sup> Văn bản số 2875/VPCP-PL ngày 09/4/2019 của Văn phòng Chính phủ thông báo ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức sơ kết 05 năm triển khai thi hành Hiến pháp năm 2013; Quyết định số 511/QĐ-TTg ngày 08/5/2019 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch tổ chức sơ kết 05 năm triển khai thi hành Hiến pháp năm 2013 (2014-2019); Văn bản số 191/CP-PL ngày 10/5/2019 của Chính phủ về việc tổ chức sơ kết 05 năm triển khai thi hành Hiến pháp năm 2013...

về việc tổ chức triển khai thi hành Hiến pháp. Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành nhiều văn bản, trong đó có Nghị quyết số 718/NQ-UBTVQH13, Nghị quyết số 719/NQ-UBTVQH13 ngày 06/01/2014 hướng dẫn thực hiện khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 64/2013/QH13; chỉ đạo xây dựng Đề án tổng kết, rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản pháp luật liên quan đến tổ chức, hoạt động của Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội... Đây là cơ sở để Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội kịp thời chỉ đạo đồng bộ, thống nhất, hiệu quả việc triển khai thi hành Hiến pháp.

2. Trên cơ sở Nghị quyết số 718/NQ-UBTVQH13, các cơ quan đã ban hành kế hoạch tổ chức triển khai thi hành Hiến pháp.<sup>2</sup> Nội dung của các kế hoạch cơ bản bám sát các nhiệm vụ được giao, xác định rõ các hoạt động cần triển khai một cách bài bản, khoa học. Một số cơ quan đã chủ động triển khai nhiều hoạt động hơn so với yêu cầu của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Ví dụ như Kế hoạch của Chính phủ bổ sung hoạt động tổ chức biên soạn và tập huấn chuyên sâu về nội dung của Hiến pháp cho các cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý và tổ chức pháp chế của các bộ, ngành; tổ chức cuộc thi viết “Tìm hiểu Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” trên phạm vi cả nước; tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học và xây dựng Bình luận khoa học về nội dung của Hiến pháp; thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định các dự án luật, pháp lệnh trực tiếp triển khai thi hành Hiến pháp... Trên cơ sở Kế hoạch của Chính phủ, tất cả các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã ban hành Kế hoạch tổ chức triển khai thi hành Hiến pháp. Nhiều bộ, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch thực hiện từng hoạt động cụ thể phù hợp với điều kiện và nhiệm vụ của mình<sup>3</sup>; đồng thời, thường xuyên quán triệt, chỉ đạo các hoạt động triển khai thi hành Hiến pháp trong các văn bản chỉ đạo, điều hành của cơ quan, đơn vị, trong đó đề cao trách nhiệm của người đứng đầu trong việc tổ chức thực hiện.

3. Trong quá trình triển khai, các cơ quan của Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đều xác định triển khai thi hành Hiến pháp là nhiệm vụ trọng tâm, cần ưu tiên và tập trung chỉ đạo thực hiện xuyên suốt, đồng bộ. Đặc biệt, công tác tuyên truyền, giới thiệu về Hiến pháp và rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật phù hợp với Hiến pháp được tập trung cao độ để bảo đảm kịp thời đưa Hiến pháp đi vào cuộc sống. Công tác thể chế ngày càng được chú trọng. Tại các nghị quyết của Quốc hội và Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm đều xác định công tác hoàn thiện pháp luật gắn với tổ chức thi hành pháp luật theo tinh thần thượng tôn pháp luật là một trong những

<sup>2</sup> Như Quyết định số 251/QĐ-TTg ngày 13/02/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch của Chính phủ tổ chức triển khai thi hành Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam; Kế hoạch số 450/KH-MTTQ-BTT ngày 25/02/2014 của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Kế hoạch số 03/KH-VKSTC-V8 ngày 15/01/2014 của Viện trưởng VKSNDTC triển khai thi hành Hiến pháp trong ngành Kiểm sát nhân dân...

<sup>3</sup> Như Kế hoạch triển khai công tác phổ biến, tuyên truyền Hiến pháp và pháp luật, Chỉ thị và Kế hoạch triển khai Ngày pháp luật, Kế hoạch thực hiện công tác theo dõi, thi hành pháp luật...

nhiệm vụ quan trọng hàng đầu. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản trực tiếp phân công nhiệm vụ, chỉ đạo, đôn đốc tình hình thực hiện, xác định rõ trách nhiệm của các bộ, ngành trong việc thực hiện Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh...

4. Công tác báo cáo về tình hình triển khai thi hành Hiến pháp cũng được thực hiện nghiêm túc. Hàng năm, Chính phủ đã yêu cầu các bộ, ngành, địa phương báo cáo về tình hình triển khai thi hành Hiến pháp; tổng hợp và xây dựng trình Quốc hội Báo cáo về tình hình triển khai thi hành Hiến pháp năm 2013<sup>4</sup>, qua đó kịp thời giải quyết hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ quan trọng này.

## II. CÁC HOẠT ĐỘNG TRIỂN KHAI THI HÀNH HIẾN PHÁP

### 1. Tuyên truyền, phổ biến Hiến pháp

Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về nội dung và ý nghĩa của Hiến pháp năm 2013 được xác định là một trong các nhiệm vụ trọng tâm cần triển khai ngay sau khi Hiến pháp được thông qua với mục đích nâng cao nhận thức của các tầng lớp nhân dân, cán bộ, công chức, viên chức, công nhân, chiến sĩ lực lượng vũ trang và người Việt Nam ở nước ngoài về Hiến pháp, đồng thời tăng cường ý thức trách nhiệm trong việc chấp hành Hiến pháp và pháp luật. Do vậy, trong thời gian qua, các cơ quan, tổ chức từ trung ương đến địa phương đã và đang triển khai nhiều hoạt động tuyên truyền, phổ biến Hiến pháp, nổi bật như:

a) Về tổ chức các hội nghị toàn quốc giới thiệu, phổ biến về Hiến pháp: Ngày 08/01/2014, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã tổ chức Hội nghị toàn quốc triển khai thi hành Hiến pháp dưới hình thức hội nghị trực tuyến và truyền hình trực tiếp đến 63 tỉnh, thành phố trên cả nước để quán triệt, phổ biến các nội dung cơ bản của Hiến pháp.

Thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 03/01/2014 của Ban Bí thư về triển khai thi hành Hiến pháp và Nghị quyết số 718/NQ-UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ đã tham gia phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương xây dựng bộ tài liệu tuyên truyền về Hiến pháp cho các đối tượng khác nhau (Quý I/2014). Ngày 05/4/2014, Chính phủ chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương tổ chức Hội nghị trực tuyến toàn quốc giới thiệu, phổ biến về nội dung và ý nghĩa của Hiến pháp cho đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên. Ngày 17/10/2014, Bộ Tư pháp tổ chức Hội nghị tập huấn chuyên sâu về nội dung của Hiến pháp cho một số cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý

---

<sup>4</sup> Cụ thể là: Báo cáo số 427/BC-CP ngày 17/10/2014 về kết quả thực hiện nhiệm vụ của Chính phủ triển khai thi hành Hiến pháp trong năm 2014; Báo cáo số 434/BC-CP ngày 17/10/2016 về kết quả thực hiện nhiệm vụ của Chính phủ triển khai thi hành Hiến pháp giai đoạn 2014-2016; Báo cáo số 404/BC-CP ngày 14/10/2017 về kết quả thực hiện nhiệm vụ của Chính phủ triển khai thi hành Hiến pháp trong năm 2017; Báo cáo số 409/BC-CP ngày 21/9/2018 về tình hình thực hiện Nghị quyết số 718/NQ-UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Nghị quyết số 67/2013/QH13 của Quốc hội năm 2018.

của các cục, vụ, cán bộ pháp chế các bộ, ngành ở trung ương - là những người trực tiếp tham gia vào quá trình triển khai thi hành Hiến pháp.

b) Về tổ chức tuyên truyền, giới thiệu, phổ biến nội dung, ý nghĩa của Hiến pháp: Lãnh đạo các cơ quan, bộ, ngành, địa phương đã chỉ đạo sát sao công tác tuyên truyền, phổ biến nội dung và ý nghĩa của Hiến pháp với nhiều hình thức phong phú. Cụ thể:

- Đăng tải toàn văn Hiến pháp và các văn bản, tài liệu triển khai thi hành Hiến pháp trên Công thông tin điện tử, báo, tạp chí; thường xuyên cập nhật, đưa tin, đăng tin về các hoạt động triển khai thi hành Hiến pháp; đăng tải các bài nghiên cứu của các chuyên gia, nhà khoa học về nội dung của Hiến pháp; mở chuyên trang, chuyên mục, xây dựng số tập san, số chuyên đề hoặc chương trình, tin, bài, phóng sự giới thiệu về nội dung Hiến pháp...<sup>5</sup>

- Tổ chức các hội nghị quán triệt, phổ biến, giới thiệu, tập huấn về nội dung và ý nghĩa của Hiến pháp (bằng hình thức trực tiếp, trực tuyến hoặc truyền hình, phát thanh trực tiếp) với quy mô và đối tượng khác nhau, trước hết là cho cán bộ, công chức, viên chức, đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật<sup>6</sup>; thực hiện lồng ghép nội dung phổ biến Hiến pháp vào các cuộc họp sinh hoạt chi bộ, họp cơ quan, đơn vị, họp sinh hoạt chuyên đề, hội nghị tập huấn...<sup>7</sup> Định kỳ hàng năm, các cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản hướng dẫn việc tuyên truyền, phổ biến Hiến pháp và pháp luật, chú trọng việc tuyên truyền, vận động nhân dân nghiêm chỉnh thi hành Hiến pháp và pháp luật. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, nhất là ở cơ sở đã phát huy vai trò của người uy tín, già làng, trưởng bản, các chức sắc tôn giáo tham gia công tác tuyên truyền, phổ biến Hiến pháp<sup>8</sup>.

- Sử dụng nhiều hình thức tuyên truyền, phổ biến khác như: xây dựng tờ gấp, tài liệu hỏi đáp hoặc tài liệu tập huấn về Hiến pháp<sup>9</sup>; dịch tài liệu tuyên

<sup>5</sup> Như: các cơ quan báo chí, đơn vị nghiên cứu trực thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam; Bộ Tư pháp; thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng, Hải Dương, Quảng Ninh...

<sup>6</sup> Như: Thành phố Hồ Chí Minh đã tổ chức hơn 30.000 cuộc tuyên truyền với sự tham gia của hơn 4.500.000 lượt người; tổ chức hơn 3.000 cuộc thi, hùng biện, thuyết trình với chủ đề tìm hiểu Hiến pháp. Cần Thơ tổ chức 17.984 cuộc giới thiệu, phổ biến Hiến pháp với 666.043 người dự. An Giang tổ chức 1.062 hội nghị giới thiệu với 82.495 lượt người tham dự. Lâm Đồng tổ chức 3.646 hội nghị tuyên truyền, phổ biến Hiến pháp cho 538.909 đại biểu là báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh. Đồng Tháp tổ chức tuyên truyền 9.744 cuộc với khoảng 335.383 lượt người tham dự. Hà Nam tổ chức 705 buổi tuyên truyền cho 125.487 lượt người tham dự...

<sup>7</sup> Như: Cần Thơ tuyên truyền, phổ biến thông qua mô hình sinh hoạt Câu lạc bộ pháp luật ở địa phương (2.447 cuộc với 79.706 lượt người tham dự). Bến Tre lồng ghép nội dung phổ biến Hiến pháp vào các cuộc họp sinh hoạt ở các tổ nhân dân tự quản, Câu lạc bộ pháp luật, tổ chức tuần sinh hoạt của học sinh, sinh viên, hoạt động trợ giúp pháp lý lưu động...

<sup>8</sup> Trong 05 năm qua, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các địa phương đã tổ chức được 600.152 hội nghị tuyên truyền, phổ biến Hiến pháp với 33.793.704 lượt người tham dự.

<sup>9</sup> Như: Thành phố Hồ Chí Minh biên soạn, in ấn và phát hành hơn 5.000.000 tờ gấp, tài liệu hỏi - đáp và 5.000 băng rôn, pano, áp phích, các khẩu hiệu tuyên truyền về Hiến pháp, 10.000 cuộc phát thanh và tuyên truyền trên trang thông tin điện tử của đơn vị. Bắc Ninh phát hành 336.000 tờ gấp, băng rôn, khẩu hiệu. Bình Thuận biên soạn 10 loại tờ rơi với số lượng 26.000 tờ. Đắk Nông xây dựng, biên soạn 30.000 tờ gấp. Hải Phòng phát hành trên 10.000 tờ gấp pháp luật thuộc nhiều lĩnh vực...

truyền, phổ biến Hiến pháp ra tiếng dân tộc thiểu số<sup>10</sup>; phát sách Hiến pháp hoặc tài liệu phổ biến, tuyên truyền về Hiến pháp<sup>11</sup>; thực hiện tuyên truyền qua hệ thống loa truyền thanh ở cơ sở; chú trọng việc tổ chức “Ngày Pháp luật” hàng năm hoặc hội thi tìm hiểu pháp luật trong đó có lồng ghép nội dung về Hiến pháp; khuyến khích cán bộ, đoàn viên thanh niên tuyên truyền Hiến pháp thông qua mạng xã hội<sup>12</sup>... Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam và các cơ quan thông tấn, báo chí ở trung ương và địa phương tăng cường thời lượng phát sóng, đưa tin về nội dung của Hiến pháp với nhiều hình thức đa dạng trên nhiều chuyên mục, kênh chương trình.

Các Đoàn đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội đã phổ biến nội dung của Hiến pháp trong quá trình tiếp xúc cử tri. Các đồng chí Lãnh đạo Quốc hội, đại biểu Quốc hội, đặc biệt đại biểu Quốc hội là thành viên của Ủy ban sửa đổi Hiến pháp và Ban biên tập sửa đổi Hiến pháp đã tích cực dành thời gian để tham gia các hoạt động biên soạn, viết sách, viết bài, tài liệu, làm báo cáo viên, trả lời hỏi đáp... về nội dung của Hiến pháp để góp phần làm rõ hơn nội dung, tinh thần và ý nghĩa của Hiến pháp. Ngoài ra, nhiều cơ quan, đơn vị tổ chức các hội thảo, tọa đàm, thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học để nghiên cứu, bình luận về nội dung của Hiến pháp, góp phần làm rõ và sâu sắc hơn những điểm mới của Hiến pháp<sup>13</sup>. Bộ Tư pháp đã tổ chức nghiên cứu, xây dựng và xuất bản cuốn Bình luận khoa học về Hiến pháp (năm 2018) với sự tham gia soạn thảo của một số thành viên Ủy ban sửa đổi Hiến pháp, các chuyên gia, nhà khoa học có am hiểu sâu sắc về Hiến pháp.

- Lồng ghép trong hoạt động tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung các luật, pháp lệnh mới được Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành và thông qua các lớp đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, các chức danh tư pháp (thẩm phán, kiểm sát viên, điều tra viên...)<sup>14</sup>. Nhờ đó, nội dung và ý nghĩa của Hiến pháp được giới thiệu trực quan và sinh động, thể hiện rõ các quy định của Hiến pháp đã được cụ thể hóa trong các luật, pháp lệnh.

<sup>10</sup> Như: Gia Lai đã biên dịch 41.293 tài liệu tuyên truyền về Hiến pháp sang tiếng dân tộc; Thừa Thiên - Huế hỗ trợ tài liệu về Hiến pháp cho Tủ sách Pháp luật tại các xã đồng bào miền núi, dân tộc thiểu số...

<sup>11</sup> Như: Thành phố Hà Nội biên soạn, in ấn 27.250 cuốn sách tìm hiểu Hiến pháp. Thành phố Hải Phòng trang bị 1.200 quyển sách Hiến pháp, 1.000 quyển Tài liệu giới thiệu Hiến pháp cho cán bộ, đảng viên và nhân dân. Bến Tre in ấn và phát hành 43.000 quyển tài liệu tuyên truyền Hiến pháp, tài liệu hỏi - đáp về Hiến pháp. Bình Thuận biên soạn và phát hành 600 quyển Sổ tay tuyên truyền...

<sup>12</sup> Các hoạt động tích cực của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh các cấp.

<sup>13</sup> Như: Đề tài cấp Bộ “Phân công quyền lực giữa chính quyền trung ương và chính quyền địa phương tại Việt Nam - lịch sử, lý luận và thực tiễn” (2014), Chủ nhiệm: TS. Nguyễn Văn Cương; Đề tài cấp Bộ “Tổ chức quyền lực nhà nước ở địa phương trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam” (2017), Chủ nhiệm: PGS.TS. Vũ Thư; Đề tài cấp Bộ “Phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện quyền hành pháp theo tinh thần Hiến pháp năm 2013” (2019), Chủ nhiệm: TS. Nguyễn Thị Kim Thoa; Đề tài cấp Bộ “Cơ sở lý luận và thực tiễn về hạn chế quyền con người ở Việt Nam hiện nay” (2019), Chủ nhiệm: TS. Nguyễn Linh Giang...

<sup>14</sup> Tòa án nhân dân tối cao tổ chức các hội nghị quán triệt cho đội ngũ cán bộ chủ chốt của Tòa án nhân dân tối cao, các Tòa án nhân dân cấp cao và Tòa án nhân dân cấp tỉnh; tổ chức hội nghị trực tuyến tập huấn nội dung chi tiết các bộ luật, luật cho các chức danh tư pháp của các Tòa án...

c) Về tổ chức cuộc thi viết “Tìm hiểu Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” trên phạm vi cả nước (từ Quý III/2014 đến Quý III/2015): Chính phủ đã chủ động tổ chức hoạt động này với mục đích phổ biến sâu rộng nội dung và tinh thần của Hiến pháp, nâng cao hiểu biết, ý thức tôn trọng, chấp hành và bảo vệ Hiến pháp của các tầng lớp Nhân dân, cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang nhân dân, người lao động và người Việt Nam ở nước ngoài. Kết thúc thời hạn tiếp nhận bài dự thi theo Thẻ lệ (ngày 30/4/2015), trong cả nước đã có 4.855.057 bài dự thi được gửi về các Ban Tổ chức Cuộc thi, trong đó có 378 bài dự thi của kiều bào ta ở nước ngoài.

d) Về tổ chức rà soát, biên soạn lại sách giáo khoa, giáo trình, tài liệu nghiên cứu, giảng dạy về Hiến pháp và pháp luật: Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Giáo dục và Đào tạo tiến hành rà soát, bảo đảm nội dung giáo dục trong các môn học có liên quan đến Hiến pháp phù hợp với quy định của Hiến pháp năm 2013 và các luật mới ban hành<sup>15</sup>; đồng thời hướng dẫn các cơ sở đào tạo chủ động rà soát, kịp thời tổ chức sửa đổi, bổ sung, cập nhật, biên soạn lại giáo trình, tài liệu nghiên cứu, giảng dạy về Hiến pháp phù hợp với trình độ đào tạo<sup>16</sup>.

đ) Về tổ chức phổ biến, giới thiệu Hiến pháp phục vụ công tác đối ngoại: Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức phổ biến, tập huấn cho các phóng viên, biên tập viên các cơ quan báo chí, nhà xuất bản, các cán bộ làm công tác thông tin đối ngoại về nội dung của Hiến pháp; theo dõi, định hướng cụ thể trong công tác tuyên truyền trên báo chí và các phương tiện thông tin đại chúng bảo đảm tính kịp thời, đồng bộ, thống nhất và hiệu quả, góp phần nâng cao ý thức tôn trọng và chấp hành Hiến pháp. Cùng với đó, Bộ Ngoại giao đã cung cấp thông tin về quá trình xây dựng Hiến pháp và nội dung của Hiến pháp năm 2013 trên Cổng thông tin điện tử của Bộ và các phương tiện thông tin đại chúng để phục vụ công tác đối ngoại và công tác vận động cộng đồng người nước ngoài. Trong các phát biểu, trả lời báo chí, người phát ngôn Bộ Ngoại giao luôn nhấn mạnh Hiến pháp năm 2013 là một trong những thành tựu quan trọng trong công tác bảo vệ và thúc đẩy quyền con người.

Các hoạt động tuyên truyền, phổ biến về nội dung và ý nghĩa của Hiến pháp được các cơ quan tiến hành một cách đầy đủ, nghiêm túc và sâu rộng như trên đã giúp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và các tầng lớp nhân dân, người Việt Nam ở nước ngoài tiếp cận, hiểu rõ hơn về quy định của Hiến pháp; ý thức trách nhiệm, tôn trọng và bảo vệ Hiến pháp, pháp luật, được nâng

<sup>15</sup> Giáo trình Luật Hiến pháp đã được Trường Đại học Luật Hà Nội, Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh, Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội... biên soạn và xuất bản. Bộ Giáo dục và Đào tạo đã giao Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh biên soạn giáo trình môn Pháp luật đại cương, trong đó có nội dung về Luật Hiến pháp được biên soạn theo Hiến pháp năm 2013. Tháng 8/2014, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã giới thiệu cuốn giáo trình này để các cơ sở giáo dục đại học tham khảo phục vụ cho công tác đào tạo trình độ đại học, cao đẳng trong nhà trường nhằm đảm bảo tính thống nhất về nội dung chương trình đào tạo môn Pháp luật đại cương cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng không chuyên ngành luật.

<sup>16</sup> Từ đầu năm 2014 đến năm 2018, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức phổ biến, giới thiệu về nội dung và ý nghĩa Hiến pháp cho khoảng 1.200 cán bộ pháp chế, giáo viên môn pháp luật, môn giáo dục công dân, giảng viên môn pháp luật của các trường đại học, cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm và đội ngũ giảng viên tham gia công tác đào tạo thông qua các lớp tập huấn, bồi dưỡng.

lên; đặc biệt, đội ngũ cán bộ, công chức đã quán triệt và từng bước chuyên hóa và áp dụng một cách phù hợp nội dung và tinh thần của Hiến pháp trong quá trình công tác, nhất là trong công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật trong các lĩnh vực của đời sống xã hội.

## 2. Rà soát văn bản quy phạm pháp luật phù hợp với Hiến pháp

Để triển khai thi hành Hiến pháp một cách kịp thời, đồng bộ, hiệu quả, bảo đảm nguyên tắc tối thượng của Hiến pháp trong nhà nước pháp quyền, công tác rà soát, lập danh mục đề xuất văn bản quy phạm pháp luật cần bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới để phù hợp với quy định của Hiến pháp là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, cần triển khai ngay sau khi Hiến pháp được thông qua. Việc rà soát phải tiến hành toàn diện, đồng bộ, bảo đảm khoa học, bài bản, trên cơ sở hiểu rõ, hiểu đúng và đầy đủ tinh thần và quy định của Hiến pháp để kịp thời đề xuất hoàn thiện pháp luật, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật. Trong giai đoạn đầu triển khai thi hành Hiến pháp, do tập trung xây dựng các đạo luật và văn bản quy phạm pháp luật của trung ương nên các cơ quan đã tổ chức rà soát các văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan nhà nước ở trung ương ban hành. Kết quả như sau:

Kết quả rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến tổ chức và hoạt động của Quốc hội cho thấy, nhiều chế định quan trọng của Hiến pháp đã được luật hóa trong Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014, tuy nhiên, vẫn còn một số quy định chưa thực sự phù hợp với Hiến pháp và các luật hiện hành; một số quy định cần sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc ban hành mới để phù hợp với Hiến pháp và thực tiễn hoạt động của Quốc hội; một số nội dung của Hiến pháp chưa được thể chế hóa cụ thể trong các luật và văn bản quy phạm pháp luật khác. Trên cơ sở đó, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 893/NQ-UBTVQH13 ngày 12/03/2015 về Kế hoạch sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản bảo đảm thi hành Luật Tổ chức Quốc hội.<sup>17</sup>

Đối với các văn bản quy phạm pháp luật về bầu cử, kết quả rà soát cho thấy, một số quy định của Hiến pháp chưa được luật hóa<sup>18</sup>; một số quy định của các luật về bầu cử chưa phù hợp với Hiến pháp, chưa đồng bộ, thống nhất với những vấn đề mới liên quan đến công tác bầu cử quy định trong các đạo luật sẽ được Quốc hội xem xét, thông qua<sup>19</sup>. Trên cơ sở đó, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã hoàn thiện dự thảo và trình Quốc hội xem xét, thông qua Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân với nhiều điểm mới quan trọng.<sup>20</sup>

Các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch nước trong lĩnh vực lập pháp, trong công tác cán bộ liên quan đến nhân

<sup>17</sup> Như Nội quy kỳ họp Quốc hội, Nghị quyết ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Nghị quyết về chức năng, nhiệm vụ của Viện Nghiên cứu lập pháp...

<sup>18</sup> Như cơ chế để bảo đảm cho công dân thực hiện quyền bầu cử, chế định Hội đồng bầu cử quốc gia...

<sup>19</sup> Như Luật Tổ chức Quốc hội (sửa đổi), Luật Tổ chức chính quyền địa phương...

<sup>20</sup> Như cách thức thành lập, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng bầu cử quốc gia...

sự cấp cao của Nhà nước, trong vai trò thống lĩnh lực lượng vũ trang nhân dân, Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng và An ninh và trong công tác đối ngoại cũng đã được rà soát, trên cơ sở đó đã đề xuất sửa đổi, bổ sung một số quy định của Luật Tổ chức Quốc hội, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật Sĩ quan quân đội nhân dân Việt Nam, Luật Công an nhân dân...

Các văn bản quy phạm pháp luật về tổ chức và hoạt động của Chính phủ và chính quyền địa phương cũng đã được Chính phủ chỉ đạo rà soát một cách toàn diện. Số lượng văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ được rà soát là 11.786 văn bản; trong đó, tổng số văn bản cần được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới bảo đảm phù hợp với Hiến pháp là 245 văn bản<sup>21</sup>. Đến nay, sau rà soát đã xử lý được 154 văn bản<sup>22</sup>. Tổng số văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp được rà soát là 90.520 văn bản; trong đó, tổng số văn bản cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới bảo đảm phù hợp với Hiến pháp là 41 văn bản<sup>23</sup> của 06 địa phương<sup>24</sup>. Đến nay, sau rà soát đã xử lý được 32 văn bản. Bên cạnh đó, Chính phủ cũng đã chỉ đạo việc rà soát theo chuyên đề, bao gồm các văn bản pháp luật về tổ chức và hoạt động của Chính phủ, đơn vị hành chính và chính quyền địa phương<sup>25</sup>, bảo vệ Tổ quốc<sup>26</sup>, đối ngoại và hợp tác quốc tế<sup>27</sup> và quyền con người<sup>28</sup>.

Việc rà soát các văn bản quy phạm pháp luật về tổ chức, hoạt động của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân và thủ tục tố tụng tư pháp được Tòa án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao chỉ đạo thực hiện. Qua rà soát, Tòa án nhân dân tối cao đã phát hiện quy định tại khoản 2 Điều 40 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân về đề nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao không phù hợp với khoản 7 Điều 70 Hiến pháp năm 2013 nên đã kiến nghị Quốc hội dừng thi hành quy định này. Bên cạnh đó, Tòa án nhân dân tối cao đã đề nghị sửa đổi, bổ sung 08 luật không còn phù hợp với Hiến pháp, ban hành mới 01 pháp lệnh, 45 nghị quyết, thông tư hướng dẫn thi hành các luật, pháp lệnh mới được thông qua. Các cơ quan kiểm sát đã tiến hành rà soát và đề xuất sửa đổi, bổ sung, ban hành mới nhiều văn bản để bảo đảm phù hợp với Hiến pháp. Cụ thể là: Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2002, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003, Pháp lệnh Tổ chức Viện kiểm sát quân sự năm 2002, Pháp lệnh Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân năm 2002, Pháp

<sup>21</sup> Gồm 92 luật, 02 nghị quyết của Quốc hội, 27 pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, 65 nghị định của Chính phủ, 04 quyết định của Hội đồng Bộ trưởng, 10 quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 45 thông tư liên tịch, thông tư, quyết định của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ.

<sup>22</sup> Gồm 81/121 văn bản của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội; 73/124 văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và tương đương.

<sup>23</sup> Gồm 35 văn bản của cấp tỉnh; 03 văn bản của cấp huyện; 03 văn bản của cấp xã.

<sup>24</sup> Gồm Cao Bằng, Đồng Nai, Hà Tĩnh, Nghệ An, Phú Yên, Vĩnh Phúc.

<sup>25</sup> Bộ Nội vụ.

<sup>26</sup> Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

<sup>27</sup> Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp.

<sup>28</sup> Bộ Tư pháp.



lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân năm 2011; 02 nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, 02 thông tư liên tịch hướng dẫn thi hành Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2002 và 06 thông tư liên tịch hướng dẫn thi hành Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003.

Đối với các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quyền, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã tổ chức rà soát, trên cơ sở đó xây dựng, trình Quốc hội thông qua Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đã và đang phối hợp với Bộ Nội vụ tiến hành sửa đổi, bổ sung Luật Thanh niên, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam đang đề xuất Chính phủ và Quốc hội xem xét sửa đổi, bổ sung Luật Công đoàn... Đối với các văn bản pháp luật liên quan đến tổ chức và hoạt động của Kiểm toán nhà nước, Kiểm toán nhà nước đã tiến hành rà soát tổng số 76 văn bản; kiến nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, dừng thi hành hoặc ban hành mới 40 văn bản, trong đó có việc xây dựng, trình Quốc hội thông qua Luật Kiểm toán nhà nước.

Đây là lần đầu tiên việc rà soát văn bản quy phạm pháp luật bảo đảm phù hợp với quy định và tinh thần của Hiến pháp được tiến hành một cách toàn diện, đồng bộ, với số lượng văn bản cần rà soát là rất lớn. Các cơ quan đã chủ động, tích cực tổ chức thực hiện trong phạm vi nhiệm vụ, trách nhiệm được giao, cơ bản bảo đảm tiến độ; lập danh mục và kiến nghị, xử lý theo thẩm quyền đối với các văn bản quy phạm pháp luật có nội dung chưa phù hợp với Hiến pháp để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

### 3. Ban hành văn bản quy phạm pháp luật cụ thể hóa Hiến pháp

Hiến pháp năm 2013 ra đời phản ánh thành quả của quá trình xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật sau gần 30 năm tiến hành công cuộc đổi mới và 8 năm thực hiện Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật theo Nghị quyết số 48-NQ/TW của Bộ Chính trị; đã kế thừa, phát triển và hình thành nhiều tư duy pháp lý mới mang tính nền tảng, cơ bản, chủ đạo và tạo cơ sở pháp lý - chính trị cao nhất cho quá trình xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật trong thời kỳ mới. Trong đó, nổi lên là các nội dung như: đề cao chủ quyền nhân dân, dân chủ trực tiếp; phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực nhà nước; quyền con người, quyền công dân được Nhà nước thừa nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm; quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế bằng luật; xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; đổi mới và hoàn thiện các chính sách kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ, bảo vệ môi trường và bảo vệ Tổ quốc... Từ các giá trị của Hiến pháp và các tư duy mới đã dẫn đến sự thay đổi nhận thức sâu sắc của nhà làm luật và những người tham gia vào quá trình hoạch định chính sách. Quy định mới và tinh thần của Hiến pháp cũng đặt ra yêu cầu, nhiệm vụ cho các cơ quan nhà nước phải rà soát toàn bộ hệ thống pháp luật để tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật ở một cấp độ cao hơn về chất, nhằm cụ thể hóa đầy đủ nội dung và tinh thần của Hiến pháp.

Sau 05 năm triển khai thi hành Hiến pháp, hoạt động xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã thu được nhiều kết quả tích cực. Kết quả nổi bật có thể kể đến như:

a) Năm 2015, Quốc hội đã ban hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật với nhiều điểm đổi mới quan trọng về quy trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật, trong đó phân định rõ thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật từ trung ương đến địa phương; giảm một số hình thức văn bản quy phạm pháp luật; quy định rõ ràng và chặt chẽ hơn nội dung ban hành các hình thức văn bản quy phạm pháp luật; đề cao công tác phân tích, hoạch định chính sách, đánh giá tác động, tham vấn ý kiến; từng bước chuyên nghiệp hóa hoạt động xây dựng, ban hành văn bản; tạo cơ chế thu hút các hiệp hội, tổ chức kinh tế, chuyên gia giỏi tham gia vào việc nghiên cứu, đề xuất và phản biện chính sách pháp luật và các công đoạn trong quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật... Quy định của Luật cũng đã thể chế hóa tinh thần hiến định về đề cao trách nhiệm, tính chủ động, sáng tạo của Chính phủ trong đề xuất, xây dựng chính sách và tổ chức thi hành Hiến pháp, pháp luật...

b) Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã có nhiều đổi mới trong quy trình lập Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh như đưa ra các nguyên tắc lập và điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh; thường xuyên đôn đốc các cơ quan rà soát, đề xuất đưa vào Chương trình các nội dung có liên quan để bảo đảm thi hành Hiến pháp; tăng cường công tác thẩm tra của các cơ quan của Quốc hội đối với các đề nghị điều chỉnh và kiến nghị xây dựng Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh... Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã quan tâm, chỉ đạo sát sao các cơ quan bám sát các quan điểm, đường lối của Đảng, yêu cầu thể chế hóa Hiến pháp và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong quá trình lập, xem xét, thông qua các đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh. Theo đó, những dự án luật, pháp lệnh được đưa vào Chương trình phải được lựa chọn chặt chẽ, bảo đảm cần thiết, xác định rõ phạm vi, đối tượng, mục tiêu để bảo đảm tính khả thi; ưu tiên các dự án luật, pháp lệnh đã được chuẩn bị kỹ, trong đó đặc biệt chú trọng đến các dự án luật trực tiếp triển khai thi hành Hiến pháp. Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong phạm vi trách nhiệm của mình cũng đã chủ động đề xuất đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh các văn bản triển khai thi hành Hiến pháp thuộc phạm vi trách nhiệm của mình.

c) Theo *Danh mục dự kiến tiến độ trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, thông qua các dự án luật, pháp lệnh* ban hành kèm theo Nghị quyết số 718/NQ-UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (sau đây gọi tắt là *Danh mục*), có tổng số 90 luật, pháp lệnh được liệt kê (trong đó có 75 văn bản thuộc trách nhiệm trình của Chính phủ)<sup>29</sup> thuộc 04 lĩnh vực: tổ chức bộ máy nhà nước và các thiết chế trong hệ thống chính trị; quyền con người, quyền

<sup>29</sup> Tại Kế hoạch của Chính phủ (ban hành kèm theo Quyết định số 251/QĐ-TTg) đã bổ sung các dự án luật, pháp lệnh thuộc trách nhiệm trình của Chính phủ, với tổng cộng là 81 dự án.

và nghĩa vụ cơ bản của công dân; kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường; bảo vệ Tổ quốc.

Sau 05 năm triển khai thi hành Hiến pháp, trong số 90 luật, pháp lệnh được liệt kê tại Danh mục, Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành 69 luật, pháp lệnh, trong đó có các đạo luật mang tính nền tảng, rường cột của hệ thống pháp luật<sup>30</sup>; còn 21 dự án luật, pháp lệnh nằm trong Danh mục nhưng chưa được ban hành<sup>31</sup>. Những dự án luật, pháp lệnh chưa được ban hành này cần được tiếp tục rà soát, đánh giá tính cấp thiết của việc ban hành và đánh giá tác động kỹ các chính sách trong dự án luật, pháp lệnh theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để làm cơ sở xác định thời điểm hợp lý sửa đổi, bổ sung, ban hành từng văn bản đó. Ngoài ra, Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội còn ban hành 34 luật, pháp lệnh không nằm trong Danh mục. Đây là những luật quan trọng, liên quan trực tiếp đến quyền dân sự - chính trị, quyền kinh tế - xã hội của con người và thể chế quản lý kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng của đất nước nên được các cơ quan quan tâm và sớm trình Quốc hội ban hành.<sup>32</sup>

Về cơ bản, nội dung của các luật, pháp lệnh được ban hành đã cụ thể hóa và bảo đảm phù hợp với Hiến pháp năm 2013; bám sát và thể chế hóa các chủ trương, định hướng của Đảng về xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, chủ động hội nhập quốc tế.

- Về ban hành các luật, pháp lệnh về tổ chức bộ máy nhà nước và các thiết chế trong hệ thống chính trị

Trong lĩnh vực tổ chức bộ máy nhà nước, Hiến pháp năm 2013 tiếp tục khẳng định mô hình tổng thể tổ chức bộ máy nhà nước đã được quy định tại Hiến pháp năm 1992, đồng thời có một số phát triển mới trong các quy định về tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, chính quyền địa phương và một số thiết chế khác bảo đảm phù hợp hơn với nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan thực hiện quyền lập pháp, quyền hành pháp và quyền tư pháp. Tính đến hết tháng 6/2019, Quốc hội đã ban hành **20/26** luật, pháp lệnh về tổ chức bộ máy nhà nước và các thiết chế trong hệ thống chính trị được liệt kê tại Danh mục; **02** luật ngoài Danh mục. Kết quả cụ thể như sau:

<sup>30</sup> Như Bộ luật Dân sự, Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng dân sự, Bộ luật Tố tụng hình sự...

<sup>31</sup> Trong số này, dự án Luật Thanh niên (sửa đổi) đã được đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2019; dự án Luật Thỏa thuận quốc tế đã được đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2020. Có 03 dự án luật, pháp lệnh đã đưa vào Chương trình, Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến nhưng cần tiếp tục chuẩn bị nên chưa được ban hành (Luật Đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt, Luật về hội, Pháp lệnh Đào tạo một số chức danh tư pháp).

<sup>32</sup> Nếu tính tổng số lượng luật, pháp lệnh đã được Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua từ tháng 01/2014 đến hết ngày 14/6/2019 thì Quốc hội đã thông qua 107 luật, bộ luật, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã thông qua 04 pháp lệnh, trong đó Bộ luật Hình sự, Luật Công an nhân dân, Luật Đầu tư công sửa 02 lần, các luật về thuế sửa 04 lần...

+ Về tổ chức và hoạt động của Quốc hội: Luật Tổ chức Quốc hội đã cụ thể hóa các quy định của Hiến pháp, bảo đảm Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp, quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước, giám sát tối cao hoạt động của Nhà nước. Luật cũng quy định đại biểu Quốc hội giữ vai trò trung tâm trong tổ chức và hoạt động của Quốc hội; Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội là các cơ quan của Quốc hội, tham mưu cho Quốc hội về từng lĩnh vực; Ủy ban Thường vụ Quốc hội là cơ quan thường trực của Quốc hội; các cơ quan khác thuộc Quốc hội và Văn phòng Quốc hội là bộ máy tham mưu, phục vụ của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, đại biểu Quốc hội. Đồng thời, Luật cũng cụ thể hóa nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan của Quốc hội để tránh chồng chéo, trùng lặp, không hành chính hóa hoạt động của Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội. Ngoài ra, Quốc hội cũng đã sửa đổi, ban hành nhiều văn bản khác trong đó cụ thể hóa quy định của Hiến pháp về nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội trong từng lĩnh vực như Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân, Luật Trưng cầu ý dân...

+ Về tổ chức và hoạt động của Chủ tịch nước: Xuất phát từ thực tiễn và đặc thù của hệ thống chính trị nước ta, tổ chức và hoạt động của Chủ tịch nước không được ban hành trong một đạo luật<sup>33</sup> mà được cụ thể hóa trong các luật liên quan đến tổ chức bộ máy nhà nước và luật chuyên ngành, như Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật Tổ chức Quốc hội, Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Quốc phòng, Luật Công an nhân dân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan quân đội nhân dân Việt Nam, Luật Điều ước quốc tế... Về cơ bản, tổ chức và hoạt động của Chủ tịch nước đã được cụ thể hóa đầy đủ, kịp thời theo quy định của Hiến pháp, khẳng định Chủ tịch nước là người đứng đầu Nhà nước, thay mặt nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về đối nội và đối ngoại, thống lĩnh lực lượng vũ trang nhân dân, giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng và An ninh; làm rõ hơn thẩm quyền và mối quan hệ giữa Chủ tịch nước với các cơ quan thực hiện quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.

+ Về tổ chức và hoạt động của Chính phủ, chính quyền địa phương: Luật Tổ chức Chính phủ đề cao và cụ thể hóa chức năng hành pháp của Chính phủ trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền, hoàn thiện cơ sở pháp lý thúc đẩy tính chủ động, linh hoạt trong hoạt động của Chính phủ. Luật đã khẳng định mạnh mẽ và đặt lên hàng đầu nhiệm vụ tổ chức thi hành Hiến pháp và pháp luật, quản lý vĩ mô của Chính phủ thông qua việc cụ thể hóa thẩm quyền hoạch định chính sách của Chính phủ, coi trọng công tác lập pháp, lập quy của Chính phủ. Luật cũng khẳng định nguyên tắc, cơ chế phân cấp, phân quyền và ủy quyền trong tổ chức và hoạt động của nền hành chính quốc gia. Bên cạnh đó, Luật xác định rõ và đề cao vai trò, trách nhiệm của Thủ tướng Chính phủ trong hệ thống hành chính nhà

<sup>33</sup> Chủ tịch nước đã có ý kiến gửi Ủy ban thường vụ Quốc hội kiến nghị không xây dựng Luật Chủ tịch nước và thay vào đó đề nghị cụ thể hóa Chương VI Chủ tịch nước và những quy định có liên quan.

nước, coi trọng vai trò, trách nhiệm của Bộ trưởng, thành viên Chính phủ, tạo cơ sở pháp lý tiếp tục siết chặt kỷ luật và kỷ cương hành chính, bảo đảm sự vận hành thông suốt, thống nhất, hiệu lực, hiệu quả của nền hành chính quốc gia. Bên cạnh Luật Tổ chức Chính phủ, tổ chức và hoạt động của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ còn được điều chỉnh trong nhiều văn bản pháp luật khác, nhất là các nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Luật Tổ chức chính quyền địa phương đã cụ thể hóa quy định của Hiến pháp về mô hình tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương các cấp, có tính tới đặc thù của từng loại đơn vị hành chính, xác định rõ hơn nguyên tắc phân cấp, phân quyền trong quản lý hành chính, tạo tiền đề thực hiện yêu cầu bảo đảm tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương.

+ Về tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân: Luật Tổ chức Tòa án nhân dân và Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân cùng các đạo luật về tố tụng<sup>34</sup> đã kịp thời thể chế hóa các quy định của Hiến pháp năm 2013 về tòa án và viện kiểm sát nhân dân<sup>35</sup> và các quan điểm về cải cách tư pháp. Theo đó, tòa án là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp. Tòa án nhân dân có nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Bảo đảm nguyên tắc độc lập xét xử, nguyên tắc tranh tụng trong xét xử của tòa án. Viện kiểm sát nhân dân thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp. Viện kiểm sát nhân dân có nhiệm vụ bảo vệ pháp luật, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, góp phần bảo đảm pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất.

Bên cạnh đó, Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội cũng đã ban hành một số luật, pháp lệnh trong đó có các quy định cụ thể hóa Hiến pháp liên quan đến tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân như Luật Phá sản, Luật Thi hành án dân sự, Luật Thi hành án hình sự, Pháp lệnh Trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân... Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã chủ trì hoặc phối hợp ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành các bộ luật, luật, pháp lệnh nêu trên. Ngày 28/10/2015, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành Nghị quyết số 03/2015/NQ-HĐTP về quy trình lựa chọn, áp dụng và công bố án lệ<sup>36</sup>. Đến nay, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đã công bố 26 án lệ về hình sự, dân sự, kinh doanh thương mại, hành chính, lao động.

<sup>34</sup> Bộ luật Tố tụng dân sự, Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật Tố tụng hành chính.

<sup>35</sup> Như các quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mô hình tổ chức, các nguyên tắc hoạt động của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân...

<sup>36</sup> Thực hiện nhiệm vụ tổng kết thực tiễn xét xử, bảo đảm áp dụng thống nhất pháp luật trong xét xử tại khoản 3 Điều 104 Hiến pháp năm 2013, Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 đã quy định Tòa án nhân dân tối cao có nhiệm vụ phát triển án lệ.

+ Về tổ chức và hoạt động của một số thiết chế khác: (i) Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cụ thể hóa quy định của Hiến pháp về việc tiếp tục khẳng định Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân; đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của Nhân dân với các quy định như: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có vai trò giám sát và phản biện xã hội đối với tổ chức và hoạt động của Nhà nước; tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước; hoạt động đối ngoại nhân dân góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; khẳng định Công đoàn Việt Nam, Hội nông dân Việt Nam, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội cựu chiến binh Việt Nam là các tổ chức chính trị - xã hội được thành lập trên cơ sở tự nguyện, đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của thành viên, hội viên tổ chức mình, cùng các tổ chức thành viên khác của Mặt trận phối hợp và thống nhất hành động trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam<sup>37</sup> ... (ii) Luật Kiểm toán nhà nước cụ thể hóa quy định mới của Hiến pháp về việc ghi nhận Kiểm toán nhà nước là thiết chế hiến định độc lập, tạo tiền đề, cơ sở pháp lý nền tảng cho sự phát triển của Kiểm toán nhà nước với nhiều nội dung mới về đối tượng kiểm toán của Kiểm toán nhà nước;<sup>38</sup> chức năng,<sup>39</sup> nguyên tắc hoạt động,<sup>40</sup> nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm toán nhà nước...

Nhìn chung các luật, pháp lệnh về tổ chức bộ máy đã được ban hành trên tinh thần cụ thể hóa nguyên tắc phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực nhà nước; đổi mới cơ chế hoạt động, phân công, phối hợp và kiểm soát trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan; đổi mới mô hình tổ chức, phương thức hoạt động của các cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương theo hướng phân cấp, phân quyền, ủy quyền rành mạch, rõ ràng hơn nhằm hướng tới xây dựng một bộ máy nhà nước gọn về tổ chức và hiệu quả trong hoạt động.

Hiện nay, để tiếp tục cụ thể hóa các quy định của Hiến pháp về phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực, đồng thời đổi mới mô hình tổ chức, hình thức, phương thức hoạt động của các cơ quan nhà nước ở trung ương, địa phương theo chủ trương của Đảng nhằm hướng tới một bộ máy nhà nước tinh gọn về tổ chức, hiệu quả trong hoạt động và tăng cường trách nhiệm giải trình, một số dự án luật đang được xây dựng, hoàn thiện như Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Quốc hội, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kiểm toán nhà nước, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật...

- Về ban hành các luật, pháp lệnh về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân

<sup>37</sup> Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã phối hợp ban hành Nghị quyết liên tịch số 403/2017/NQLT-UBTVQH14-CP-ĐCTUBTWMTTQVN ngày 15/6/2014 quy định chi tiết các hình thức giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

<sup>38</sup> Đối tượng kiểm toán là việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công và các hoạt động có liên quan đến việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công của đơn vị được kiểm toán.

<sup>39</sup> Chức năng đánh giá, xác nhận, kết luận và kiến nghị đối với việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công.

<sup>40</sup> Độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; trung thực, khách quan, công khai, minh bạch.

Xác định tầm quan trọng và yêu cầu của việc cụ thể hoá quy định và tinh thần của Hiến pháp năm 2013 về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội các năm qua đã dành tỷ lệ thích đáng các dự án luật, pháp lệnh về quyền con người, quyền công dân. Tính đến hết tháng 6/2019, Quốc hội đã ban hành 11/16 luật về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân được liệt kê tại Danh mục; 05 luật, pháp lệnh ngoài Danh mục. Cụ thể:

+ Các quyền con người, quyền công dân thuộc nhóm quyền dân sự, chính trị như quyền ứng cử, bầu cử; quyền tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội; quyền biểu quyết khi nhà nước tổ chức trưng cầu dân ý... đã được quan tâm cụ thể hóa thông qua việc ban hành mới Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật Trưng cầu ý dân. Luật Tiếp cận thông tin, Luật Báo chí, Luật Tín ngưỡng, tôn giáo cũng đã được ban hành để bảo đảm hệ thống pháp luật về các quyền con người, quyền công dân ngày càng hoàn thiện, đủ cơ sở pháp lý cho việc tổ chức thực hiện và bảo đảm, bảo vệ các quyền con người, quyền công dân.

+ Các quyền con người, quyền công dân trong nhóm quyền kinh tế, văn hóa xã hội đã được cụ thể hóa trong các đạo luật thuộc các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội. Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Hộ tịch, Luật Căn cước công dân, Luật Bảo hiểm y tế, Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Hôn nhân và gia đình... đã được ban hành, sửa đổi, bổ sung kịp thời để bảo đảm ghi nhận và quy định cụ thể cơ chế tổ chức thực hiện, bảo vệ tốt hơn nữa các quyền con người trong lĩnh vực dân sự, lao động, hôn nhân, gia đình. Trong đó, phải kể tới các quyền về nhân thân, quyền tài sản, quyền về an sinh xã hội, quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, bình đẳng trong việc sử dụng các dịch vụ y tế; quyền nghiên cứu khoa học và công nghệ, sáng tạo văn học, nghệ thuật và thụ hưởng lợi ích từ các hoạt động đó; quyền hưởng thụ và tiếp cận các giá trị văn hoá, tham gia vào đời sống văn hóa, sử dụng các cơ sở văn hóa.

+ Đối với nhóm quyền con người, quyền công dân trong tư pháp như quyền bất khả xâm phạm về thân thể, quyền bào chữa của người bị bắt, tạm giữ, tạm giam, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, quyền bình đẳng trước pháp luật... cũng đã được cụ thể hóa trong các đạo luật quan trọng như Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự, Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Thi hành án hình sự... Đặc biệt, việc ban hành Bộ luật Hình sự và Bộ luật Tố tụng hình sự đã giúp cho Nhà nước và nhân dân ta có thêm công cụ pháp lý sắc bén, hữu hiệu trong phòng, chống tội phạm, thể hiện tính nhân đạo, tính hướng thiện trong việc xử lý người phạm tội của Đảng và Nhà nước ta, đồng thời đề cao hiệu quả phòng ngừa tội phạm trong tình hình mới, góp phần bảo vệ và thúc đẩy quyền con người.

Nhìn chung, trong quá trình soạn thảo, ban hành các luật, pháp lệnh và các văn bản dưới luật, các nguyên tắc về hạn chế quyền con người, quyền công dân đã được quán triệt đầy đủ để bảo đảm việc hạn chế quyền chỉ trong các trường

hợp đã được Hiến pháp quy định và chỉ bằng luật. Các cơ chế bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân cũng được quy định cụ thể trong các đạo luật thông qua việc trực tiếp quy định nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan nhà nước, trách nhiệm của các tổ chức và cá nhân khác có liên quan; quy định việc tăng cường trách nhiệm, bảo đảm sự đúng đắn, nghiêm minh công bằng trong các hoạt động của cơ quan nhà nước thông qua việc xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật của mọi chủ thể; trách nhiệm bồi thường của Nhà nước khi vi phạm để xảy ra thiệt hại cho công dân; có cơ chế bảo đảm quyền khiếu nại, khởi kiện, tố cáo nhằm bảo vệ các quyền con người nói chung. Nhiều đạo luật quy định khá cụ thể, toàn diện các biện pháp bảo đảm thực hiện quyền con người, quyền công dân, nhất là các đạo luật có nhiệm vụ cụ thể hóa trực tiếp các quyền mà Hiến pháp giao, hạn chế tối đa các điều khoản ủy quyền quy định chi tiết thi hành luật<sup>41</sup>. Việc chú trọng kỹ thuật lập pháp trong quá trình xây dựng các đạo luật có nhiệm vụ cụ thể hóa các quyền con người cũng như các đạo luật trong các lĩnh vực khác đã góp phần đáng kể trong việc bảo đảm nguyên tắc việc hạn chế quyền chỉ được giới hạn bởi các quy định của luật, chú trọng trách nhiệm của các cơ quan, cá nhân có thẩm quyền trong việc tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân theo tinh thần Hiến pháp. Nhiều đạo luật khi được ban hành đã được dư luận xã hội đánh giá cao.

- Về ban hành các luật, pháp lệnh về kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường

Với quan điểm phát triển kinh tế phải kết hợp chặt chẽ, hài hòa với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường, phát triển giáo dục, khoa học và công nghệ, Hiến pháp năm 2013 đã quy định mang tính khái quát về mục tiêu, định hướng và các chính sách cơ bản làm cơ sở để hoàn thiện và thực thi hệ thống pháp luật trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và bảo vệ môi trường. Theo đó, trong 05 năm qua, pháp luật trong các lĩnh vực này đã được hoàn thiện một bước quan trọng. Tính đến hết tháng 6/2019, Quốc hội đã ban hành các đạo luật về thuế và 31/37 luật, pháp lệnh khác thuộc lĩnh vực này được liệt kê tại Danh mục; ngoài ra, Quốc hội còn ban hành 22 luật, pháp lệnh ngoài Danh mục. Cụ thể là:

+ Trong lĩnh vực kinh tế, Chính phủ đã kịp thời trình Quốc hội ban hành các đạo luật nhằm hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế; bảo đảm quyền tự do kinh doanh, quyền sở hữu của tổ chức, cá nhân; khuyến khích và tạo điều kiện để doanh nhân, doanh nghiệp và cá nhân, tổ chức khác đầu tư, sản xuất, kinh doanh; thực hiện các biện pháp cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, bảo đảm cạnh tranh lành mạnh, phù hợp với kinh tế thị trường và cam kết hội nhập của Việt Nam... Trong đó, Bộ luật Dân sự đã kịp thời hoàn thiện, bảo đảm nền tảng pháp lý về tài sản (bất động sản, động sản, quyền tài sản, tài sản được hình thành trong tương lai); nền

<sup>41</sup> Ví dụ như các biện pháp bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân được quy định trong Luật tiếp cận thông tin (Điều 33)...



tảng pháp lý thuận lợi, an toàn, bình đẳng về xác lập, thực hiện, bảo vệ quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản và giao dịch cho tất cả các chủ thể trong giao lưu dân sự, kinh tế. Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ, Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, Luật Du lịch, Luật Thủy sản, Luật Phá sản... đã hoàn thiện thể chế pháp lý bảo đảm thực thi quyền hiến định về tự do kinh doanh, góp phần xóa bỏ rào cản về đầu tư, kinh doanh không phù hợp với kinh tế thị trường và cam kết hội nhập của Việt Nam, tạo cơ sở pháp lý cho việc cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh theo hướng ngày càng thuận lợi, minh bạch và bình đẳng giữa các nhà đầu tư, phát huy tối đa các nguồn lực đầu tư trong xã hội, hiệu quả sử dụng vốn nhà nước.

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành theo chức năng thẩm quyền cũng đã kịp thời sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật về điều kiện kinh doanh, thủ tục hành chính, biện pháp thi hành luật và các nội dung khác có liên quan để bảo đảm quy định của luật nhanh chóng có hiệu quả trong nền kinh tế, bảo đảm cụ thể hóa nguyên tắc *“mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm”*.

Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản, Luật Xây dựng, Luật Quy hoạch... đã hoàn thiện hơn hành lang pháp lý thuận lợi, an toàn cho phát triển bền vững thị trường bất động sản, cơ sở hạ tầng của nền kinh tế, phát triển nguồn lực hạ tầng, tư liệu sản xuất cho doanh nghiệp; tăng cường hiệu quả cải cách thủ tục hành chính trong công tác quy hoạch, quản lý sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, giải phóng mặt bằng, đấu giá quyền sử dụng đất đã được đẩy mạnh...; thị trường bất động sản cho người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài đầu tư ở Việt Nam từng bước được mở rộng với điều kiện cụ thể, minh bạch.

Về tài chính công, tài sản công, Quốc hội đã ban hành Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công... để thể chế hóa kịp thời chế độ tài chính công theo hướng bảo đảm ngân sách nhà nước, dự trữ quốc gia, quỹ tài chính nhà nước và các nguồn tài chính công khác do Nhà nước thống nhất quản lý và phải được sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, công bằng, công khai, minh bạch, đúng pháp luật; việc quản lý, sử dụng tài sản công bảo đảm chặt chẽ, có sự phân công, phân cấp phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của các cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật. Bên cạnh các dự án luật điều chỉnh trực tiếp các lĩnh vực cụ thể nêu trên, nhiều dự án luật khác có tác động hỗ trợ, bảo đảm sự minh bạch, thuận lợi trong sự vận hành của nền kinh tế như Luật Kế toán, Luật Thống kê... cũng được quan tâm hoàn thiện để đáp ứng nhu cầu quản lý nhà nước và nhu cầu của xã hội.

+ Trong lĩnh vực văn hóa, xã hội, với tinh thần cụ thể hoá quy định của Hiến pháp về công bằng xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, các luật trong lĩnh vực này đã được ban hành, bảo đảm tốt hơn các quyền của công dân được tiếp cận

và sử dụng các dịch vụ y tế có chất lượng, các dịch vụ bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, tạo cơ sở pháp lý để thực hiện các chính sách ưu đãi xã hội đối với các đối tượng chính sách, bảo vệ người tiêu dùng; giải quyết tốt hơn mối quan hệ gắn tăng trưởng kinh tế với thực hiện chính sách xã hội nói chung, chính sách lao động và an sinh xã hội nói riêng theo nguyên tắc công bằng và tiến bộ xã hội (Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi), Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế, Luật An toàn vệ sinh lao động, Luật Trẻ em...). Trong lĩnh vực giáo dục, các luật mới được ban hành, sửa đổi, bổ sung đã cụ thể hóa quy định và tinh thần của Hiến pháp về phát triển giáo dục là quốc sách hàng đầu. Luật Giáo dục đại học, Luật Giáo dục nghề nghiệp và Luật Giáo dục đã quy định các chính sách của Nhà nước ưu tiên đầu tư cho giáo dục, chăm lo giáo dục mầm non; bảo đảm giáo dục tiểu học là bắt buộc, Nhà nước không thu phí; từng bước phổ cập giáo dục trung học; phát triển giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp...

+ Trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, bên cạnh những quy định hiện hành về bảo đảm quyền nghiên cứu khoa học và công nghệ, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ (Bộ luật Dân sự, Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Khoa học và công nghệ, Luật Chuyển giao công nghệ...), các văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành đã góp phần cụ thể hóa thêm các quy định của Hiến pháp về chính sách ưu tiên đầu tư và khuyến khích đầu tư nghiên cứu, phát triển, chuyển giao, ứng dụng có hiệu quả các thành tựu khoa học, công nghệ. Trong đó, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành là một ví dụ về việc hỗ trợ, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo và phát triển. Trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, Luật Khí tượng thủy văn, Luật Đo đạc và bản đồ... đã cụ thể hóa quy định của Hiến pháp về bảo vệ môi trường; quản lý, sử dụng hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên; khuyến khích mọi hoạt động bảo vệ môi trường, phát triển, sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo...

Như vậy, hệ thống pháp luật về kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và bảo vệ môi trường đã được hoàn thiện một bước quan trọng, từng bước cụ thể hóa các quy định và tinh thần của Hiến pháp. Việc ban hành, sửa đổi, bổ sung các đạo luật thuộc lĩnh vực này đã tập trung góp phần tạo nền tảng pháp lý bảo đảm quyền tự do kinh doanh, các quyền về an sinh xã hội của công dân, cải thiện môi trường kinh doanh, đầu tư và phát triển các lĩnh vực kinh tế - xã hội của đất nước; bảo đảm quyền, lợi ích của người dân, doanh nghiệp; ngày càng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội...

- Về ban hành các luật, pháp lệnh về bảo vệ Tổ quốc

Trong 05 năm qua, các đạo luật về bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội đã kịp thời được sửa đổi, bổ sung để cụ thể hóa các quy định mới của Hiến pháp và yêu cầu của tình hình mới. Tính đến hết tháng 6/2019, Quốc hội đã ban hành 06/10 luật,

pháp lệnh về bảo vệ Tổ quốc được liệt kê tại Danh mục kèm theo Nghị quyết số 718/NQ-UBTVQH13; còn 04 dự án luật, pháp lệnh thuộc lĩnh vực này chưa được ban hành. Quốc hội còn ban hành 05 luật, pháp lệnh ngoài Danh mục.

Trong số các đạo luật được Quốc hội ban hành để cụ thể hóa các quy định mới của Hiến pháp trong lĩnh vực này có thể kể đến Luật Công an nhân dân, Luật Sĩ quan quân đội nhân dân Việt Nam, Luật Nghĩa vụ quân sự, Luật Quốc phòng. Việc sửa đổi, bổ sung, ban hành kịp thời các quy định của pháp luật về bảo vệ Tổ quốc, về nghĩa vụ của công dân trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc đã tạo nên một hệ thống văn bản toàn diện, chi tiết, tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho công cuộc bảo vệ, giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Đồng thời, các đạo luật này cũng đã thể chế hóa đầy đủ nghĩa vụ của công dân trong việc thực hiện nghĩa vụ quân sự, trong việc tham gia vào các hoạt động bảo vệ Tổ quốc, đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm; cụ thể hóa các yêu cầu về xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, ngày càng đáp ứng yêu cầu giữ vững an ninh quốc gia, tham gia vào các nhiệm vụ giữ vững hoà bình thế giới và khu vực trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

4. Các cơ quan, tổ chức thực hiện điều chỉnh cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định mới của Hiến pháp

Tại Nghị quyết số 64/2013/QH13, Quốc hội yêu cầu Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước và các cơ quan hữu quan điều chỉnh lại cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn phù hợp với quy định của Hiến pháp năm 2013. Bên cạnh đó, trong thời gian qua, Đảng đã có nhiều văn bản chỉ đạo quan trọng về đổi mới tổ chức và hoạt động của các cơ quan nhà nước, như Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập. Thực hiện các quy định mới của Hiến pháp và các chủ trương, chính sách của Đảng liên quan đến tổ chức bộ máy nhà nước, các cơ quan nhà nước và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã thực hiện điều chỉnh cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn. Kết quả cụ thể như sau:

a) Về cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội<sup>42</sup>: Về cơ bản, cơ cấu tổ chức của Ủy ban Thường vụ Quốc hội vẫn giữ như Hiến pháp năm 1992 và Luật Tổ chức Quốc hội năm 2001 nhưng cơ cấu tổ chức của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội thì có sự điều chỉnh.

<sup>42</sup> Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội khoá XIII (2011-2016) và khoá XIV (2016-2021) đã triển khai thực hiện điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức theo quy định của Hiến pháp và Luật Tổ chức Quốc hội.

Quốc hội khóa XIV được kiện toàn một bước, gồm 494 đại biểu Quốc hội với cơ cấu hợp lý hơn<sup>43</sup>; có kế thừa và phát triển cơ cấu đại biểu của nhiệm kỳ Quốc hội khóa XIII và các khóa trước. Cơ cấu, số lượng, chất lượng đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách được tăng cường. Một số Thường trực Ủy ban đã có Ủy viên Chuyên trách; số lượng Ủy viên Ủy ban cũng thay đổi theo xu hướng tăng và đa số các đại biểu Quốc hội đều tham gia là thành viên của các cơ quan của Quốc hội, các Ban của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.<sup>44</sup>

Các thẩm quyền mới đã được Quốc hội thực hiện như quyết định về tổ chức các cơ quan trong bộ máy nhà nước, trong đó có việc quyết định thành lập Hội đồng bầu cử quốc gia, bầu Tổng Thư ký Quốc hội; quyết định mục tiêu, chỉ tiêu và nhiệm vụ cơ bản phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; quyết định phân chia các khoản thu và nhiệm vụ chi giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương, mức giới hạn an toàn nợ quốc gia, nợ công, nợ chính phủ... Những điều chỉnh này giúp Quốc hội kiểm soát quyền lực nhà nước, xác định rõ hơn thẩm quyền, trách nhiệm và mối quan hệ công tác với các cơ quan khác trong bộ máy nhà nước theo yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền; giúp Quốc hội thực hiện quyền quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước trong lĩnh vực này một cách cụ thể hơn và phù hợp hơn trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

b) Về cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch nước: Các nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch nước đã được điều chỉnh phù hợp với Hiến pháp thông qua quy định của một số luật có liên quan. Đồng thời, Chủ tịch nước đã ban hành Quyết định số 585/QĐ-CTN ngày 16/4/2018 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Chủ tịch nước bảo đảm phù hợp với yêu cầu trong tình hình mới<sup>45</sup>; thành lập Vụ Quốc phòng - An ninh có chức năng, nhiệm vụ giúp Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước nghiên cứu, tham mưu về lĩnh vực quốc phòng và an ninh, phục vụ Chủ tịch nước, Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng và An ninh, Thống lĩnh lực lượng vũ trang nhân dân thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.<sup>46</sup> Bên cạnh đó, Chủ tịch nước đã chỉ đạo xây dựng đội ngũ chuyên gia, cộng tác viên là các nhà khoa học, nhà quản lý, chuyên gia đầu ngành trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, tư pháp, đối ngoại, xây dựng Đảng để tham gia tư vấn, phản biện, đóng góp ý kiến với Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch nước trong các lĩnh vực trên.

c) Về cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ và

<sup>43</sup> Tính đến ngày 15/6/2019, Quốc hội khóa XIV có 484 đại biểu Quốc hội.

<sup>44</sup> Các cơ quan của Quốc hội đã thực hiện điều chỉnh cơ cấu tổ chức, triển khai thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thuộc lĩnh vực phụ trách; đồng thời đã chủ động xây dựng, ban hành quy chế hoạt động và thực hiện ký kết các quy chế phối hợp với các cơ quan, tổ chức hữu quan nhằm cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, quy trình, thủ tục tiến hành các hoạt động. Một số Ủy ban cũng đã thành lập các tiểu ban (như Ủy ban về các vấn đề Xã hội, Ủy ban Văn hóa, Giáo dục, Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng).

<sup>45</sup> Bên cạnh đó, ngày 04/01/2019, Chủ tịch nước đã ban hành Quyết định phê duyệt “Đề án xác định vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của Văn phòng Chủ tịch nước” để làm cơ sở thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, quản lý công chức và hợp đồng lao động theo đúng quy định của Nhà nước.

<sup>46</sup> Theo Quyết định số 59/QĐ-VPCTN ngày 01/3/2017 của Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước.

chính quyền địa phương: Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ và các văn bản pháp luật chuyên ngành, Chính phủ đã rà soát, điều chỉnh, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng bộ, cơ quan ngang bộ, bảo đảm thực hiện nhất quán nguyên tắc một việc chỉ do một cơ quan, một người chịu trách nhiệm; những việc có liên quan đến cơ quan khác thì xác định rõ cơ quan chịu trách nhiệm chính và cơ quan phối hợp thực hiện; khắc phục chồng chéo, trùng đẫm hoặc chia cắt trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực; chuyển phù hợp những công việc không nhất thiết Chính phủ, cơ quan hành chính các cấp phải thực hiện để giao cho các tổ chức xã hội, tổ chức phi Chính phủ, doanh nghiệp, người dân đảm nhiệm, vừa tạo điều kiện tinh gọn bộ máy hành chính, vừa nâng cao hiệu quả hoạt động chung của toàn xã hội.

Chính phủ đã ban hành 22 nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ. Theo đó, số lượng vụ và tương đương thuộc bộ, cơ quan ngang bộ là 248 tổ chức, giảm 12 tổ chức; cục thuộc bộ, cơ quan ngang bộ là 125 tổ chức, tăng 07 tổ chức; tổng cục và tổ chức tương đương là 29 tổ chức, tăng 02 tổ chức; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ, cơ quan ngang bộ là 102 đơn vị, giảm 08 đơn vị (số liệu này không tính Bộ Quốc phòng, Bộ Công an<sup>47</sup>). Số lượng ban (vụ) thuộc cơ quan thuộc Chính phủ là 52 tổ chức, giảm 01 tổ chức; đơn vị sự nghiệp thuộc các cơ quan thuộc Chính phủ là 154 tổ chức, giảm 37 tổ chức. Hiện nay có 21 tổng cục và 09 tổ chức tương đương tổng cục tại 14 bộ, 01 cơ quan ngang bộ (không bao gồm các tổng cục thuộc Bộ Quốc phòng<sup>48</sup>). Nhìn chung, các bộ đã được sắp xếp, kiện toàn theo mô hình quản lý đa ngành, đa lĩnh vực; chuyển tất cả các cơ quan thuộc Chính phủ có chức năng quản lý nhà nước vào các bộ thích hợp để quản lý.<sup>49</sup> Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các bộ, cơ quan ngang bộ được kiện toàn phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực; tách chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực với chức năng quản lý giám sát của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và quản lý sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Các cơ quan chuyên môn ở địa phương được sắp xếp, tổ chức lại phù hợp với sự sắp xếp, điều chỉnh lại cơ cấu tổ chức Chính phủ theo các nhiệm kỳ bảo đảm tính thống nhất, thông suốt và theo xu hướng thu gọn đầu mối, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính. Ở cấp tỉnh, có 04 tỉnh thực hiện sắp xếp cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh<sup>50</sup>, so với quy định tại Nghị định số 24/2014/NĐ-CP, giảm 05 cơ quan chuyên môn. Cơ cấu tổ chức bên trong của các cơ quan chuyên môn được sắp xếp tinh gọn, giảm cấp trung gian theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 56/2017/QH14. Ở cấp huyện,

<sup>47</sup> Bộ Công an thực hiện sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy theo Nghị quyết số 22-NQ/TW (kết quả: giảm 06 Tổng cục, 55 Cục và tương đương, 20 cảnh sát phòng cháy chữa cháy cấp tỉnh và 819 phòng).

<sup>48</sup> Bộ Quốc phòng thực hiện sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức của Bộ theo Kết luận số 16-KL/TW ngày 07/7/2017 của Bộ Chính trị về tổ chức Quân đội nhân dân Việt Nam đến năm 2021.

<sup>49</sup> Chính phủ phân công các thành viên Chính phủ trực tiếp chỉ đạo và thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực về các hoạt động của các cơ quan thuộc Chính phủ.

<sup>50</sup> Gồm Bạc Liêu, Bắc Ninh, Hà Giang, Lào Cai.

có 15 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện sắp xếp cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, so với quy định tại Nghị định số 37/2014/NĐ-CP, giảm 185 phòng chuyên môn.

d) Về cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án nhân dân các cấp: Ngay sau khi Luật Tổ chức Tòa án nhân dân được ban hành, Tòa án nhân dân tối cao đã chuẩn bị nhân sự Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để trình Quốc hội phê chuẩn, trình Chủ tịch nước bổ nhiệm. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đã trình Chủ tịch nước, Ban Bí thư về cơ cấu của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao gồm 17 người. Bộ máy giúp việc của Tòa án nhân dân tối cao có 14 đơn vị<sup>51</sup> được tổ chức theo hướng tinh gọn, phân định rõ các chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị; thành lập Học viện Tòa án.<sup>52</sup>

Ngày 28/5/2015, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 957/NQ-UBTVQH13 thành lập 03 Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đã trình Chủ tịch nước chuyển đổi 66 Thẩm phán cao cấp trong số 120 Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao theo Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2002 để phân bổ cho các Tòa án nhân dân cấp cao; xem xét, thông qua phương án sắp xếp, bố trí cán bộ cho các Tòa án nhân dân cấp cao trên cơ sở điều chuyển cán bộ, công chức, nhân viên và người lao động từ các Tòa phúc thẩm, các Tòa chuyên trách và các đơn vị khác của Tòa án nhân dân tối cao trước đây. Về tổ chức bộ máy, tại Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh thành lập 06 Tòa chuyên trách<sup>53</sup> và 04 đơn vị giúp việc; tại Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng thành lập 05 Tòa chuyên trách<sup>54</sup> và 03 đơn vị giúp việc.

Hiện nay, có 247 Tòa chuyên trách tại 63 Tòa án nhân dân cấp tỉnh, giảm 34 Tòa chuyên trách so với trước đây; 142 Tòa chuyên trách tại 71/710 Tòa án nhân dân cấp huyện<sup>55</sup>. Bộ máy giúp việc của các Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân cấp huyện cơ bản đã được kiện toàn đầy đủ<sup>56</sup>. Hệ thống Tòa án quân sự gồm có Tòa án quân sự trung ương, 09 Tòa án quân sự quân khu và tương đương, 10 Tòa án quân sự khu vực<sup>57</sup>. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đã quyết định thành lập Ủy ban Thẩm phán Tòa án quân sự trung ương, thành lập bộ máy giúp việc của Tòa án quân sự trung ương gồm 05 phòng chức năng<sup>58</sup>.

<sup>51</sup> Thành lập mới 03 Vụ Giám đốc, kiểm tra (Vụ Giám đốc, kiểm tra về hình sự, hành chính; Vụ Giám đốc, kiểm tra về dân sự, kinh doanh - thương mại; Vụ Giám đốc, kiểm tra về lao động, gia đình và người chưa thành niên).

<sup>52</sup> Trên cơ sở kế thừa chức năng, nhiệm vụ và bộ máy tổ chức của Trường Cán bộ Tòa án (theo Quyết định số 1191/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 30/7/2015).

<sup>53</sup> Tòa Hình sự, Tòa Dân sự, Tòa Hành chính, Tòa Kinh tế, Tòa Lao động, Tòa Gia đình và người chưa thành niên.

<sup>54</sup> Tòa Hình sự, Tòa Dân sự, Tòa Hành chính, Tòa Kinh tế, Tòa Lao động.

<sup>55</sup> Trên cơ sở Thông tư số 01/2016/TT-CA ngày 21/01/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quy định về việc tổ chức các Tòa chuyên trách tại Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân cấp huyện.

<sup>56</sup> Bộ máy giúp việc của Tòa án nhân dân cấp tỉnh gồm: Văn phòng; Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án; Phòng Tổ chức cán bộ, thanh tra và Thi đua khen thưởng. Bộ máy giúp việc của Tòa án nhân dân cấp huyện là Văn phòng (theo Quyết định số 345/2016/QĐ-CA ngày 07/4/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao).

<sup>57</sup> Theo Nghị quyết số 571/NQ-UBTVQH14 ngày 10/9/2018 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tổ chức và biên chế của Tòa án quân sự theo Luật tổ chức Tòa án nhân dân.

<sup>58</sup> Văn phòng; Phòng Giám đốc kiểm tra; Phòng Nghiên cứu tổng hợp; Phòng Tổ chức - Cán bộ; Phòng Thông tin tư liệu và Quản lý lý lịch tư pháp.

Đề kiện toàn đội ngũ Thẩm phán, Thẩm tra viên và Thư ký Tòa án, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành Quy chế thi tuyển chọn Thẩm phán sơ cấp, Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán cao cấp làm cơ sở cho việc tổ chức các kỳ thi tuyển chọn, nâng ngạch Thẩm phán và ban hành Quy định tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ, điều kiện và thủ tục, hồ sơ thi nâng ngạch Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án.<sup>59</sup>

đ) Về cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát nhân dân các cấp: thực hiện chủ trương cải cách tư pháp tại Nghị quyết số 49-NQ/TW, Kết luận số 79-KL/TW, Kết luận số 92-KL/TW và trên cơ sở quy định của Hiến pháp năm 2013 và Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát nhân dân được điều chỉnh cho phù hợp<sup>60</sup>; hệ thống Viện kiểm sát nhân dân được tổ chức 04 cấp, gồm Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện. Trong đó, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao là cấp kiểm sát mới, có nhiệm vụ thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp đối với các vụ án, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp cao. Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện được kiện toàn tổ chức bộ máy nhằm đáp ứng yêu cầu về tăng thẩm quyền mà vẫn bảo đảm linh hoạt, phù hợp với thực tiễn hoạt động.

Ngày 01/6/2015, 03 Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Đà Nẵng và thành phố Hồ Chí Minh được thành lập.<sup>61</sup> Các Viện kiểm sát nhân dân cấp cao đã đi vào hoạt động ổn định, đóng vai trò quan trọng trong việc phát hiện, tổng kết các vi phạm trong hoạt động xét xử; hướng dẫn công tác kiểm sát xét xử cho các Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện; là đơn vị chủ yếu tham mưu cho Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong xây dựng văn bản và tổ chức chỉ đạo, điều hành công tác kiểm sát xét xử trong toàn Ngành; giúp cho Viện kiểm sát nhân dân tối cao giảm tải trong việc giải quyết các vụ việc cụ thể, tập trung thực hiện vai trò quản lý, chỉ đạo, điều hành việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của toàn Ngành.

Bên cạnh tiếp tục quy định Ủy ban kiểm sát ở Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát quân sự trung ương, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự quân khu và tương đương, Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân đã thành lập thêm Ủy ban kiểm sát thuộc Viện kiểm sát nhân dân cấp cao là

<sup>59</sup> Đã tổ chức được 9 kỳ thi tuyển chọn, nâng ngạch Thẩm phán cho 3.728 người với 3.340 người đỗ (đến nay, toàn hệ thống đã bổ sung 660 Thẩm phán so với thời điểm trước Luật Tổ chức Tòa án nhân dân có hiệu lực); đã tổ chức 01 kỳ thi nâng ngạch Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án cho 187 người, kết quả 171 người đỗ.

<sup>60</sup> Các nhiệm vụ mới là bảo vệ pháp luật, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; bổ sung nguyên tắc “khi thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp, Kiểm sát viên tuân theo pháp luật và chịu sự chỉ đạo của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân”; các quy định mới về bảo vệ quyền con người, quyền công dân trong tư pháp...

<sup>61</sup> 03 Viện kiểm sát nhân dân cấp cao đã thực hiện việc sắp xếp, kiện toàn bộ máy và hoạt động theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao (ban hành kèm theo Quyết định số 26/QĐ-VKSTC-VC ngày 20/11/2015 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao).

cấp kiểm sát mới.<sup>62</sup> Cơ quan Điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao được hoàn thiện về cơ cấu tổ chức (gồm 10 phòng nghiệp vụ). Hệ thống Viện kiểm sát quân sự gồm có 11 Viện kiểm sát quân sự quân khu và tương đương, 28 Viện kiểm sát quân sự khu vực; giải thể 04 Viện kiểm sát quân sự quân đoàn và 04 Viện kiểm sát quân sự khu vực thuộc quân đoàn.<sup>63</sup>

Chế độ pháp lý của các chức danh tư pháp của Viện kiểm sát nhân dân cũng đã có những đổi mới căn bản như: tổ chức 04 ngạch Kiểm sát viên<sup>64</sup>; quy định rõ số lượng Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao không quá 19 người; nâng cao tiêu chuẩn bổ nhiệm Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao; đổi mới quy định về nhiệm kỳ Kiểm sát viên<sup>65</sup>; áp dụng hình thức thi tuyển vào các ngạch Kiểm sát viên sơ cấp, trung cấp, cao cấp; Ủy ban kiểm sát xét tuyển để chọn người đủ điều kiện dự thi; đối với Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao, tiếp tục thực hiện cơ chế tuyển chọn thông qua Hội đồng tuyển chọn; bổ sung quy định về tuyên thệ của Kiểm sát viên khi được bổ nhiệm; quy định Kiểm tra viên là chức danh tư pháp...

e) Về cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm toán nhà nước: Địa vị pháp lý của Kiểm toán nhà nước được quy định trong Hiến pháp đã nâng cao vị trí, vai trò và trách nhiệm của Kiểm toán nhà nước. Luật Kiểm toán nhà nước đã điều chỉnh chức năng của Kiểm toán nhà nước cho phù hợp hơn với khuyến cáo của Tổ chức quốc tế các cơ quan kiểm toán tối cao và thông lệ quốc tế, theo đó “Kiểm toán nhà nước có chức năng đánh giá, xác nhận, kết luận và kiến nghị đối với việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công”. Những năm gần đây, Kiểm toán nhà nước tăng cường thực hiện loại hình kiểm toán hoạt động để đánh giá tính kinh tế, hiệu lực và hiệu quả của việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công, cung cấp cho Quốc hội, Chính phủ nhiều thông tin có giá trị phục vụ cho việc quản lý vĩ mô nền kinh tế.

Hệ thống tổ chức bộ máy của Kiểm toán nhà nước cơ bản vẫn giữ ổn định mô hình tổ chức và quản lý tập trung thống nhất với bộ máy tinh gọn<sup>66</sup>, bảo đảm tính độc lập và hiệu lực, hiệu quả trong hoạt động của Kiểm toán nhà nước. Lãnh đạo Kiểm toán nhà nước gồm Tổng Kiểm toán nhà nước và 05 Phó Tổng Kiểm toán nhà nước. 32 đơn vị trực thuộc được chia thành 4 khối: Khối các đơn vị tham mưu (07 vụ); khối các Kiểm toán nhà nước chuyên ngành (08 đơn vị); khối các Kiểm toán nhà nước khu vực (13 đơn vị đóng trụ sở tại 13 tỉnh, thành phố phân bố đều trên cả nước); khối đơn vị sự nghiệp công lập (03 đơn vị). Với

<sup>62</sup> Vai trò của Ủy ban này được đổi mới, bảo đảm phù hợp với quy định của các luật tố tụng về tư cách tiến hành tố tụng và nguyên tắc chịu trách nhiệm trong hoạt động tư pháp của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân.

<sup>63</sup> Trên cơ sở Nghị quyết số 954/NQ-UBTVQH13 ngày 28/5/2015 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc thành lập, giải thể các Viện kiểm sát quân sự quân khu và tương đương.

<sup>64</sup> Gồm Kiểm sát viên VKSND tối cao, Kiểm sát viên cao cấp, Kiểm sát viên trung cấp, Kiểm sát viên sơ cấp, trong đó, ngạch Kiểm sát viên cao cấp là ngạch mới.

<sup>65</sup> Kiểm sát viên được bổ nhiệm lần đầu có thời hạn là 05 năm, trường hợp được bổ nhiệm lại hoặc nâng ngạch thì thời hạn là 10 năm.

<sup>66</sup> Giảm 6 đầu mỗi đơn vị cấp vụ, giảm 871 người so với Chiến lược Phát triển kiểm toán nhà nước đến năm 2020 theo Nghị quyết số 927/NQ-UBTVQH ngày 19/4/2010 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.



khuôn khổ pháp lý không ngừng hoàn thiện, năng lực được tăng cường, hoạt động Kiểm toán nhà nước ngày càng mở rộng về quy mô, đa dạng về loại hình và phương thức kiểm toán; đồng thời với nhiều biện pháp tăng cường quản lý, kiểm soát chất lượng kiểm toán và đạo đức nghề nghiệp của kiểm toán viên, chất lượng kiểm toán của Kiểm toán nhà nước ngày càng được nâng cao.

g) Về tổ chức, quyền và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã đề xuất, tham gia phối hợp với Chính phủ, các bộ, ngành ban hành nhiều nghị định, thông tư, góp phần hoàn thiện các cơ chế, chính sách để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận và các tổ chức xã hội khác hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ đã được Hiến pháp, Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các luật có liên quan quy định. Ở địa phương, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp đã phối hợp với các cơ quan chức năng tham mưu, trình Hội đồng nhân dân các cấp ban hành các nghị quyết, quyết định về các thiết chế, cơ chế triển khai thực hiện hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, Nghị quyết về kinh phí hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng ở xã, phường, thị trấn... và nhiều quyết định khác liên quan đến hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Trong thực tiễn, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận trong công tác tập hợp, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường đồng thuận xã hội; thực hiện chức năng đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân; tham gia xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước; thực hiện hoạt động giám sát, phản biện; thực hiện hoạt động đối ngoại nhân dân và tăng cường mối quan hệ giữa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với các cơ quan nhà nước. Tại các địa phương, tổ chức và hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng ở xã, phường, thị trấn luôn được chú trọng, củng cố về tổ chức, nâng cao chất lượng hoạt động.

Nhìn chung, các cơ quan nhà nước và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã nghiêm túc thực hiện điều chỉnh cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định mới của Hiến pháp và pháp luật. Đây là vấn đề quan trọng và phức tạp nhưng đã và đang được các cơ quan, tổ chức triển khai, tạo chuyển biến nhất định về tổ chức và hoạt động của các cơ quan, tổ chức từ trung ương đến địa phương.

#### 5. Về việc các cơ quan nhà nước triển khai các biện pháp cần thiết nhằm bảo đảm thi hành Hiến pháp

Trong quá trình triển khai thi hành Hiến pháp, ngoài việc thực hiện các nhiệm vụ Ủy ban Thường vụ Quốc hội giao tại Nghị quyết số 718/NQ-UBTVQH13, các cơ quan, tổ chức đã phát huy sự chủ động, sáng tạo, linh hoạt, tổ chức thực hiện nhiều biện pháp khác nhằm bảo đảm thi hành Hiến pháp, cụ thể như sau:

a) Chính phủ đã tổ chức các phiên họp chuyên đề về pháp luật để thảo luận, cho ý kiến về các đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh và nội dung của dự án luật, pháp lệnh, trong đó chú trọng đến việc bảo đảm tính hợp hiến của văn bản.

b) Thủ tướng Chính phủ đã thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định các dự án luật, pháp lệnh trực tiếp triển khai thi hành Hiến pháp là một trong những biện pháp quan trọng góp phần giúp các cơ quan chủ trì soạn thảo, cơ quan thẩm định, thẩm tra trong việc bảo đảm tính hợp hiến và góp phần thể chế hóa đầy đủ nội dung, tinh thần của Hiến pháp.<sup>67</sup>

c) Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo quyết liệt công tác ban hành các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành luật, pháp lệnh được Chính phủ nhiệm kỳ này đặc biệt quan tâm, có nhiều biện pháp để xử lý, khắc phục tình trạng nợ đọng văn bản quy định chi tiết...<sup>68</sup> nhằm bảo đảm việc thi hành các đạo luật, pháp luật triển khai thi hành Hiến pháp hiệu quả, sớm đưa các quy định của Hiến pháp vào cuộc sống.

d) Chính phủ, các cơ quan đã bố trí nguồn lực, cơ sở vật chất cho việc triển khai thi hành Hiến pháp và các luật, pháp lệnh, đặc biệt là việc tăng cường tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ làm công tác pháp luật, pháp chế; chú trọng các kỹ năng soạn thảo, thẩm định, thẩm tra các dự án luật, pháp lệnh và văn bản quy phạm pháp luật nói chung cho các cán bộ, công chức tham gia hoạch định chính sách ở các bộ, ngành, cơ quan trung ương; thực hiện nhiều giải pháp đổi mới, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong triển khai thi hành Hiến pháp cũng như xây dựng pháp luật và thi hành pháp luật<sup>69</sup>.

đ) Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội đã có nhiều cải tiến, đổi mới trong quá trình thực hiện giám sát, chẳng hạn như: hoạt động giám sát được lập thành chương trình, kế hoạch giám sát hằng năm và phải được Quốc hội thông qua<sup>70</sup>; các cơ quan của Quốc hội tiến hành giám sát thường kỳ việc ban hành văn bản quy định chi tiết một số điều, khoản của luật, pháp lệnh...

e) Tòa án nhân dân tối cao đã tích cực, chủ động triển khai việc nghiên cứu các đề án về “mô hình tổ tụng dân sự Việt Nam”, “mô hình tổ tụng hành chính Việt Nam”, xây dựng đề án đổi mới, tăng cường hòa giải, đối thoại trong giải quyết các tranh chấp dân sự, khiếu kiện hành chính tại Tòa án nhân dân, đề án thành lập Tòa gia đình và người chưa thành niên để kịp thời cụ thể hóa trong các bộ luật, luật, pháp lệnh và văn bản hướng dẫn thi hành.

g) Các cơ quan Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân và các bộ, ngành có liên quan đã phối hợp chặt chẽ trong việc nghiên cứu, xây dựng các văn bản

<sup>67</sup> Hội đồng đã tổ chức cho ý kiến đối với gần 40 dự án luật, pháp lệnh.

<sup>68</sup> Như lập danh mục các nội dung cần quy định chi tiết và phân công trách nhiệm soạn thảo, trình văn bản; tăng cường các biện pháp theo dõi, đánh giá việc ban hành các văn bản quy định chi tiết thi hành luật, pháp lệnh.

<sup>69</sup> Như: Tòa án nhân dân tối cao triển khai hệ thống họp trực tuyến tại các điểm cầu đặt tại các tỉnh, thành trên cả nước; xây dựng hệ thống công thông tin tra cứu dữ liệu bản án trực tuyến...

<sup>70</sup> Như Nghị quyết số 56/2017/NQ-QH13 của Quốc hội về giám sát tổ chức bộ máy nhà nước.

xử lý các hành vi xâm hại trẻ em, phụ nữ, các đối tượng yếu thế trong xã hội...; tăng cường áp dụng các biện pháp bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động tổ tụng để đơn giản hóa thủ tục, bảo đảm công khai, minh bạch trong mọi hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng.

h) Chính quyền địa phương các cấp chủ động đề xuất cơ chế phân cấp, phân quyền, ủy quyền; tiếp tục mạnh dạn đề xuất Quốc hội cho thí điểm thực hiện một số nội dung, cơ chế để thử nghiệm các mô hình mới, chính sách mới theo tinh thần mới của Hiến pháp về phân cấp, phân quyền. Ví dụ như thành phố Hồ Chí Minh đề xuất Quốc hội cho thí điểm phân cấp mạnh mẽ nhiều lĩnh vực quản lý phù hợp với đặc thù của đô thị lớn nhất cả nước; thành phố Hà Nội đề xuất Đề án xây dựng chính quyền đô thị với mô hình tổ chức có sự phân biệt rành mạch giữa các đô thị, nông thôn và đẩy mạnh phân cấp các lĩnh vực quản lý nhà nước phù hợp với địa vị pháp lý hiến định là thủ đô và là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước.

## **B. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC; TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN; BÀI HỌC KINH NGHIỆM**

### **I. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC**

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự chỉ đạo sát sao của các cơ quan của Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cũng như các bộ, ngành, địa phương, công tác triển khai thi hành Hiến pháp đã được tiến hành nghiêm túc, bài bản, toàn diện bám sát yêu cầu, mục tiêu đề ra tại Nghị quyết số 64/2013/QH13, Nghị quyết số 718/NQ-UBTVQH13 và thu được những kết quả tích cực:

1. Công tác phổ biến, tuyên truyền về nội dung và ý nghĩa của Hiến pháp cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và các tầng lớp nhân dân được chú trọng thực hiện toàn diện, đồng bộ trong phạm vi cả nước, từ trung ương đến cơ sở, với nhiều hình thức phong phú, dễ hiểu, gần gũi với người dân, thu được nhiều kết quả thiết thực.

2. Công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật theo nội dung và tinh thần Hiến pháp được tiến hành khẩn trương, cơ bản bảo đảm chất lượng; các luật, pháp lệnh hầu hết đã được đề xuất sửa đổi, bổ sung và đưa vào chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội hàng năm; một số văn bản quy định chi tiết thi hành luật có dấu hiệu chưa thực sự phù hợp với Hiến pháp cũng được các cơ quan có thẩm quyền đề nghị sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, bãi bỏ.

3. Công tác xây dựng luật, pháp lệnh triển khai thi hành Hiến pháp được các cơ quan quan tâm và chỉ đạo sát sao, có những giải pháp để bảo đảm tiến độ và chất lượng của các dự án luật, pháp lệnh trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bảo đảm phù hợp với tinh thần của Hiến pháp, gắn kết với việc thực hiện chủ

trương hoàn thiện hệ thống pháp luật, cải cách tư pháp được xác định tại Nghị quyết số 48-NQ/TW và Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị; nhiều tư duy mới của Hiến pháp năm 2013 đã được thể chế hóa trong các dự án luật, pháp lệnh để tạo sự thống nhất và đồng bộ của hệ thống pháp luật. Kỹ thuật lập pháp cũng đã có những bước tiến đáng kể.

4. Việc điều chỉnh cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định mới của Hiến pháp được các cơ quan, tổ chức thực hiện nghiêm túc, kịp thời, chú trọng việc bảo đảm cơ chế phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực trên cơ sở quy định chặt chẽ, rành mạch nhiệm vụ, quyền hạn và quy trình, thủ tục thực hiện nhiệm vụ của mỗi cơ quan, gắn với việc sắp xếp lại các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước từ trung ương đến địa phương theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả.

5. Nhiều biện pháp, giải pháp nhằm tổ chức thi hành Hiến pháp hiệu quả đã được các cơ quan, tổ chức thực hiện với tinh thần chủ động, sáng tạo. Quá trình triển khai thi hành Hiến pháp cũng đã phát hiện được một số sáng kiến, mô hình hay, cách làm tốt trong công tác phổ biến, tuyên truyền Hiến pháp, bảo đảm tính hợp hiến trong xây dựng và hoàn thiện pháp luật... cần được nhân rộng.

Có thể nói, những kết quả đạt được trong thời gian qua đã từng bước đưa các quy định của Hiến pháp dần đi vào cuộc sống, tác động tích cực tới mọi mặt của đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội; tăng cường quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế của đất nước; góp phần bảo vệ, bảo đảm tốt hơn quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Thông qua triển khai thi hành Hiến pháp cũng góp phần nâng cao ý thức thượng tôn Hiến pháp, pháp luật trong tổ chức, hoạt động của các cơ quan, tổ chức và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người dân; tạo cơ sở quan trọng cho việc xây dựng Nhà nước pháp quyền của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân trong giai đoạn phát triển mới.

## **II. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN**

### **1. Tồn tại, hạn chế**

- Việc tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giới thiệu về nội dung của Hiến pháp tại một số cơ quan, đơn vị đôi khi còn mang tính hình thức, chưa đến được với đối tượng thực sự cần phổ biến; nguồn tài liệu tuyên truyền, phổ biến còn chưa phong phú.

- Hoạt động xử lý sau rà soát văn bản quy phạm pháp luật còn chậm; kết quả rà soát văn bản chưa được kết nối, sử dụng hiệu quả trong quá trình xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật liên quan.

- Công tác xây dựng pháp luật ở các cơ quan trung ương mặc dù đã được quan tâm nhưng một số đạo luật đến nay vẫn chưa được ban hành theo kế hoạch dự kiến; một số nội dung của Hiến pháp đến nay vẫn chưa được cụ thể hóa hoặc cụ thể hóa chưa đầy đủ (ví dụ như vấn đề phân công, kiểm soát quyền lực; phân

cấp, phân quyền...); chất lượng xây dựng luật, pháp lệnh còn chưa đồng đều; tiến độ xây dựng một số dự án luật, pháp lệnh còn chậm.

- Việc các cơ quan thực hiện điều chỉnh cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo Hiến pháp, pháp luật và thực hiện tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế theo các Nghị quyết của Đảng còn chậm hoặc còn sắp xếp cơ học ở một số nơi.

## 2. Nguyên nhân

- Về mặt khách quan: (i) Hiến pháp có nhiều nội dung mới, đòi hỏi phải sửa đổi, bổ sung, ban hành mới nhiều luật, pháp lệnh cũng như các văn bản quy phạm pháp luật dưới luật để kịp thời thể chế hóa Hiến pháp, bảo đảm phù hợp với nội dung và tinh thần của Hiến pháp dẫn đến số lượng văn bản cần rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới là rất lớn. (ii) Nguồn lực, kinh phí còn thiếu về số lượng và chưa đáp ứng về chất lượng trong khi khối lượng công việc là rất lớn, nhiều việc cấp bách, nhất là trong công tác hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật. Lực lượng cán bộ, đội ngũ chuyên gia có trình độ chuyên sâu làm công tác xây dựng pháp luật, tổng kết, hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật còn thiếu.

- Về mặt chủ quan: (i) Nhận thức của một số cơ quan, tổ chức, đơn vị trong công tác triển khai thi hành Hiến pháp và pháp luật còn chưa thật sự đầy đủ, sâu sắc; chưa có sự quan tâm đúng mức và còn thiếu sát sao, quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai thi hành Hiến pháp, pháp luật. Một số cán bộ, công chức chưa chủ động, tích cực nghiên cứu, tìm hiểu, đề xuất các sáng kiến nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ triển khai thi hành Hiến pháp, pháp luật của cơ quan, đơn vị mình. (ii) Sự phối hợp giữa một số cơ quan trong quá trình thực hiện các hoạt động triển khai thi hành Hiến pháp chưa chặt chẽ dẫn đến các biện pháp thực hiện còn thiếu đồng bộ, hiệu quả chưa cao.

## III. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Qua 05 năm triển khai thi hành Hiến pháp năm 2013, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm cơ bản sau:

Thứ nhất, sự nhận thức đúng đắn và lãnh đạo sát sao của các tổ chức Đảng, cấp ủy Đảng là yếu tố quan trọng hàng đầu để bảo đảm cho việc triển khai hiệu quả Hiến pháp. Việc kịp thời xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch triển khai thi hành Hiến pháp trên cơ sở bám sát các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, Quốc hội, gắn với việc thực hiện các chủ trương về công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cải cách tư pháp đã góp phần đáng kể nâng cao hiệu quả của công tác triển khai thi hành Hiến pháp và pháp luật nói chung.

Thứ hai, công tác triển khai thi hành Hiến pháp là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục, đòi hỏi phải kiên trì trong tổ chức thực hiện và phải gắn liền với việc thực hiện các chủ trương mới của Đảng, phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng thời

kỳ. Do vậy, tính chủ động, tích cực và tinh thần trách nhiệm của các cơ quan, bộ, ngành và địa phương là yếu tố cơ bản quyết định sự thành công của việc đưa Hiến pháp đi vào cuộc sống.

Thứ ba, việc lựa chọn đúng lĩnh vực ưu tiên, đúng những khâu đột phá nhất là trong công tác xây dựng chính sách, pháp luật để ban hành kịp thời các đạo luật cụ thể hóa Hiến pháp; kịp thời đổi mới quy trình lập pháp, lập quy, tăng cường các khâu tiền kiểm, hậu kiểm về tính hợp hiến, hợp pháp của các văn bản; phân định rành mạch trách nhiệm của các cơ quan trong quy trình ban hành văn bản đã tạo cơ sở pháp lý đồng bộ cho việc triển khai thi hành các quy định của Hiến pháp.

Thứ tư, chú trọng gắn kết giữa xây dựng và thi hành pháp luật trong xây dựng và ban hành pháp luật đã góp phần quan trọng bảo đảm phát huy hiệu lực của các quy định của Hiến pháp. Việc chú trọng công tác giám sát và theo dõi thi hành pháp luật, đặc biệt là các đạo luật trực tiếp triển khai thi hành Hiến pháp sau khi được ban hành để từ đó đưa ra các giải pháp, kiến nghị thúc đẩy việc thi hành Hiến pháp và pháp luật cũng là yếu tố quan trọng để bảo đảm tính hợp hiến và góp phần bảo vệ Hiến pháp.

Thứ năm, sự phối hợp đồng bộ giữa các cơ quan, trong đó có sự phối hợp chặt chẽ giữa Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, các cơ quan tư pháp và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có ý nghĩa quan trọng đối với việc triển khai thi hành Hiến pháp. Sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan của Chính phủ với Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội, đặc biệt là các Ủy ban chuyên trách về pháp luật và tư pháp trong thời gian vừa qua đã tháo gỡ được nhiều bất cập, khắc phục được những mâu thuẫn trong hoạt động xây dựng pháp luật theo tinh thần và nội dung của Hiến pháp.

Thứ sáu, công tác hoạch định chính sách và tổ chức thi hành pháp luật cần có sự đầu tư lớn về nguồn nhân lực. Bên cạnh đó, thu hút sự tham gia tích cực và phát huy trí tuệ của các chuyên gia, nhà khoa học, nhà hoạt động thực tiễn, huy động sự tham gia, giám sát và ủng hộ của các tổ chức và các tầng lớp nhân dân trong quá trình tổ chức thi hành các đạo luật cũng như các văn bản dưới luật là những yếu tố quan trọng góp phần nâng cao chất lượng, tính khả thi của các văn bản và sớm đưa các văn bản đi vào cuộc sống.

## **C. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ MỘT SỐ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

### **I. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TRIỂN KHAI THI HÀNH HIẾN PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI**

Thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011), Hiến pháp năm 2013 là cột mốc đánh dấu thành quả của công cuộc đổi mới đất nước trong gần 30 năm qua trên tất cả các lĩnh vực từ kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học công nghệ, an ninh

quốc phòng, đối ngoại đến xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân; bảo đảm và phát huy nhân tố con người. Hiến pháp năm 2013 là thành tựu của thời kỳ đầu đổi mới đất nước, sẽ tiếp tục tạo tiền đề về chính trị, kinh tế - xã hội cho đất nước bước vào một thời kỳ mới - thời kỳ đẩy mạnh công cuộc xây dựng và phát triển đất nước, bảo vệ Tổ quốc. Với những yêu cầu của giai đoạn chiến lược mới được thể hiện trong Cương lĩnh và chủ trương hội nhập quốc tế, cần tiếp tục xác định triển khai thi hành Hiến pháp năm 2013 là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên, liên tục của cả hệ thống chính trị, đặt dưới sự lãnh đạo, giám sát, kiểm tra của Đảng, giám sát của Quốc hội và phát huy sự chủ động, sáng tạo, phối hợp chặt chẽ của các cơ quan, nhất là sự chủ động, sáng tạo của Chính phủ, sự phối hợp giữa Ủy ban Thường vụ Quốc hội với Chính phủ, giữa Chính phủ với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các cơ quan tư pháp. Trong thời gian tới, cần tập trung thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm sau đây:

Thứ nhất, Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và các cơ quan trong bộ máy nhà nước cần chủ động đề xuất các nội dung, giải pháp về triển khai thi hành Hiến pháp và pháp luật, phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo, đổi mới trong nội dung, cách thức, biện pháp triển khai thi hành Hiến pháp và pháp luật ở mỗi ngành, mỗi cấp, bảo đảm các nội dung của Hiến pháp được đi vào cuộc sống một cách thiết thực, đúng đắn, toàn diện trên các lĩnh vực của đời sống xã hội. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện tốt chức năng giám sát và phản biện xã hội đối với công tác xây dựng pháp luật và tổ chức thi hành Hiến pháp, pháp luật; tăng cường đại đoàn kết toàn dân, phát huy quyền làm chủ của nhân dân và đại diện, bảo vệ tốt hơn quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân.

Thứ hai, tiếp tục phát huy hiệu quả của công tác tuyên truyền, phổ biến nội dung của Hiến pháp, có sự gắn kết chặt chẽ với công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật. Trong đó, cần chú trọng làm sâu sắc hơn nội dung của Hiến pháp đã được chuyển tải vào trong các quy định cụ thể của từng văn bản quy phạm pháp luật; đổi mới và đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, phổ biến Hiến pháp và pháp luật phù hợp với mỗi đối tượng và điều kiện cụ thể, tạo thuận lợi tối đa cho người dân tiếp cận pháp luật. Phát huy hơn nữa vai trò của báo chí, phương tiện thông tin truyền thông và tăng cường ứng dụng những tiến bộ của khoa học, công nghệ thông tin trong việc kịp thời phổ biến, tuyên truyền Hiến pháp và pháp luật.

Thứ ba, đẩy nhanh tiến độ sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật để cụ thể hóa đầy đủ, chính xác nội dung, quy định của Hiến pháp. Tạo lập hệ thống pháp luật ổn định, đồng bộ, thống nhất, có sự gắn kết chặt chẽ với việc thực hiện các chỉ đạo, chủ trương của Đảng về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, chiến lược cải cách tư pháp, chiến lược cải cách hành chính, chủ trương tinh gọn bộ máy nhà nước và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, chuyên hướng chiến lược từ xây dựng sang hoàn thiện pháp luật gắn

với tổ chức thi hành pháp luật. Chú trọng nghiên cứu, thể chế hóa đầy đủ nguyên tắc phân công, phối hợp, kiểm soát quyền lực nhà nước, phân định phạm vi, trách nhiệm của các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp, bảo đảm phù hợp với thực tiễn tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị nước ta. Tiếp tục làm rõ những vấn đề còn có khoảng trống hoặc chồng chéo trong thực hiện quyền lực nhà nước; đẩy mạnh hơn nữa phân cấp, phân quyền trong các đạo luật; tinh gọn bộ máy nhà nước từ trung ương tới cơ sở.

Thứ tư, tiếp tục đổi mới quy trình lập pháp, lập quy theo hướng chặt chẽ, khoa học, hiện đại, chuyên nghiệp, áp dụng kỹ thuật lập pháp tiên bộ trong soạn thảo. Tăng cường trách nhiệm của các cơ quan trình đối với tiến độ và chất lượng của các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết theo hướng xem xét việc chủ trì tiếp thu, chỉnh lý dự thảo luật, pháp lệnh, nghị quyết được chuyển từ cơ quan chủ trì thẩm tra sang cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội trình dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết dưới sự chỉ đạo của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Nâng cao chất lượng công tác thẩm định, thẩm tra, chỉnh lý dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết, cương quyết không đồng ý trình cơ quan ban hành dự án có nội dung chưa bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất, tính khả thi; tăng cường các biện pháp bảo vệ Hiến pháp trong xây dựng và thi hành pháp luật; tăng cường tham vấn ý kiến chuyên môn của các hiệp hội, chuyên gia, nhà khoa học, các doanh nghiệp, doanh nhân, tham vấn ý kiến rộng rãi của cộng đồng, người dân trong quá trình xây dựng, ban hành, tổ chức thực thi và giám sát việc thực thi thể chế, chính sách theo tinh thần và nội dung của Hiến pháp.

Thứ năm, Chính phủ phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chỉ đạo việc tổ chức thi hành kịp thời, hiệu quả các luật, pháp lệnh đã được Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua; khẩn trương xây dựng, ban hành các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành nhằm bảo đảm hiệu lực, hiệu quả của luật, pháp lệnh. Thực hiện tốt công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trong quá trình triển khai thi hành Hiến pháp và các luật, pháp lệnh; đẩy nhanh tiến độ thực hiện pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật; tăng cường thực hiện giám sát, kiểm tra, theo dõi tình hình thi hành Hiến pháp và pháp luật để kịp thời phát hiện, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với các văn bản, quy định không hợp hiến, hợp pháp. Tăng cường giải thích Hiến pháp, pháp luật trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật, nhất là trong trường hợp có những cách hiểu chưa thống nhất. Nghiên cứu đề xuất các cơ chế, biện pháp tăng cường bảo vệ Hiến pháp và pháp luật, bảo vệ công lý, quyền con người, quyền công dân trong xây dựng và tổ chức thi hành Hiến pháp và trong thực tiễn hoạt động của cơ quan nhà nước.

Thứ sáu, thực hiện quyết liệt, nghiêm túc việc sắp xếp, cơ cấu lại tổ chức bộ máy nhà nước theo chủ trương, định hướng của Đảng, đẩy nhanh quá trình cụ thể hóa chỉ đạo, định hướng trong các văn bản của Đảng về sắp xếp, tinh gọn bộ máy nhà nước thành các văn bản pháp luật để tạo lập cơ sở pháp lý đồng bộ, thống nhất cho việc triển khai thực hiện. Tăng cường phân quyền, phân cấp giữa các cơ quan nhà nước ở trung ương và chính quyền địa phương; giảm đầu mối



trung gian trong các tổ chức, thực hiện trên phạm vi rộng mô hình tổ chức liên tỉnh, liên huyện; hoàn thành việc sáp nhập, hợp nhất các đơn vị hành chính không đủ tiêu chuẩn điều kiện. Đổi mới tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân theo tinh thần Hiến pháp và yêu cầu của Chiến lược cải cách tư pháp để thực sự trở thành thiết chế hữu hiệu bảo vệ công lý, bảo đảm sự tuân thủ pháp luật, thượng tôn pháp luật.

Thứ bảy, tăng cường nguồn lực cho việc triển khai thi hành Hiến pháp và pháp luật, thường xuyên kiện toàn tổ chức, đào tạo đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật, cán bộ làm công tác pháp chế, thẩm phán, kiểm sát viên, điều tra viên, nhất là trong lĩnh vực dân sự, kinh tế, tài chính, ngân hàng, chứng khoán... nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức bảo đảm vững mạnh cả về số lượng và chất lượng, có phẩm chất chính trị, am hiểu pháp luật và kiến thức xã hội, có thể tham gia làm việc tại các tổ chức quốc tế, các thiết chế tài phán quốc tế mà Việt Nam là thành viên; thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao năng lực của đội ngũ luật sư Việt Nam đủ khả năng tham gia giải quyết các vụ kiện, tranh chấp quốc tế mà Việt Nam là một bên.

## **II. MỘT SỐ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

Triển khai thi hành Hiến pháp năm 2013 trong 05 năm vừa qua đạt được các kết quả đáng ghi nhận và khích lệ như trên đã thể hiện rõ vai trò lãnh đạo kịp thời, toàn diện, đúng đắn của Đảng và Quốc hội. Để tiếp tục triển khai thi hành Hiến pháp năm 2013 có hiệu quả trong những năm tiếp theo, xin đề xuất, kiến nghị với các cơ quan của Đảng và Quốc hội như sau:

1. Kiến nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư tiếp tục tăng cường lãnh đạo công tác hoàn thiện thể chế nhằm cụ thể hóa đầy đủ quy định, nội dung và tinh thần của Hiến pháp năm 2013, gắn kết việc xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật; tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy, tổ chức đảng trong việc lãnh đạo, chỉ đạo việc tuyên truyền, quán triệt nâng cao nhận thức của cán bộ, nhân dân đối với việc thi hành Hiến pháp và pháp luật. Tăng cường chỉ đạo, định hướng cho Đảng Đoàn Quốc hội, Ban cán sự Đảng Chính phủ và các cơ quan, tổ chức liên quan trong quá trình hoàn thiện hệ thống pháp luật chỉ đạo, cho ý kiến đối với việc xây dựng, ban hành và nội dung của một số dự án luật, pháp lệnh quan trọng, trực tiếp triển khai thi hành Hiến pháp. Bổ sung hoạt động giám sát, kiểm tra các cấp ủy Đảng trong việc tổ chức thực hiện các chủ trương, định hướng tại các văn bản của Đảng về triển khai thi hành Hiến pháp gắn với xây dựng, hoàn thiện pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật.

2. Kiến nghị Quốc hội tiếp tục chỉ đạo tập trung thực hiện nhiệm vụ trọng tâm triển khai thi hành Hiến pháp trong những năm tiếp theo; xem xét, ban hành các dự án luật trực tiếp triển khai thi hành Hiến pháp, trong đó ưu tiên các dự án luật cụ thể hóa trực tiếp các quy định của Hiến pháp về quyền con người, bảo đảm cụ thể hóa đầy đủ nội dung phân cấp, phân quyền trong các đạo luật theo

tinh thần của Hiến pháp và các nguyên tắc phân cấp, phân quyền đã được quy định tại Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương; chỉ đạo Chính phủ và các cơ quan có liên quan nghiên cứu, đề xuất theo trình tự, thủ tục của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 đối với việc tiếp tục xây dựng hoặc không xây dựng 21 dự án luật, pháp lệnh được dự kiến trong Danh mục ban hành kèm theo Nghị quyết số 718/NQ-UBTVQH13.

3. Kiến nghị Quốc hội chỉ đạo Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội, đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tăng cường, đổi mới hoạt động giám sát đối với các nhiệm vụ triển khai thi hành Hiến pháp và pháp luật, nhất là giám sát theo chuyên đề đối với các lĩnh vực có nhiều vướng mắc trong thể chế cũng như trong tổ chức thi hành pháp luật; kịp thời phát hiện những quy định không phù hợp với nội dung và tinh thần Hiến pháp để bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của hệ thống pháp luật; tăng cường công tác giải thích Hiến pháp.

Trên đây là báo cáo sơ kết 05 năm triển khai thi hành Hiến pháp năm 2013, Chính phủ xin trân trọng báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Phụ lục kèm theo Báo cáo:*

- *Phụ lục 1: Tiến độ ban hành các dự án luật, pháp lệnh triển khai thi hành Hiến pháp năm 2013 theo Danh mục kèm theo Nghị quyết số 718/NQ-UBTVQH13.*

- *Phụ lục 2: Các luật, pháp lệnh nằm ngoài Danh mục kèm theo Nghị quyết số 718/NQ-UBTVQH13 đã được ban hành.*

- *Phụ lục 3: Báo cáo của các cơ quan về sơ kết 05 năm triển khai thi hành Hiến pháp năm 2013./.*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Ban Bí thư (để báo cáo);
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng;
- Ban Nội chính Trung ương;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Ủy ban Pháp luật của Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý Thủ tướng, các Vụ: TCCV, QHĐP, Công TTĐT;
- Lưu: VT, PL (3b). 450

**TM. CHÍNH PHỦ  
KT. THỦ TƯỚNG  
PHÓ THỦ TƯỚNG**



**Trương Hòa Bình**



## Phụ lục 1

TIẾN ĐỘ BAN HÀNH CÁC DỰ ÁN LUẬT, PHÁP LỆNH TRIỂN KHAI THI  
HÀNH HIỆN PHÁP NĂM 2013 THEO DANH MỤC KÈM THEO  
NGHỊ QUYẾT SỐ 718/NQ-UBTVQH13 (đến hết tháng 6/2019)  
(Kèm theo Báo cáo số: 344/BC-CP ngày 22 tháng 8 năm 2019)

| TT  | TÊN DỰ ÁN <sup>1</sup>               | CƠ QUAN CHỦ TRÌ                             | TIẾN ĐỘ THEO NGHỊ QUYẾT | THỜI GIAN THÔNG QUA - ĐỀ XUẤT  |
|---|--------------------------------------|---|-------------------------|--|
| <b>A. DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐÃ ĐƯỢC BAN HÀNH</b>                               |                                      |   |                         |  |
| <b>I. Tổ chức bộ máy nhà nước và các thiết chế trong hệ thống chính trị</b> |                                      |   |                         |  |
| 1.  | Luật Tổ chức Quốc hội                | Ủy ban Thường vụ Quốc hội                   | 10/2014                 | Đã thông qua ngày 20/11/2014   |
| 2.  | Luật Tổ chức Chính phủ               | Chính phủ                                   | 10/2014                 | Đã thông qua ngày 19/6/2015  |
| 3.  | Luật Tổ chức tòa án nhân dân         | Tòa án nhân dân tối cao                     | 10/2014                 | Đã thông qua ngày 24/11/2014   |
| 4.  | Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân  | Viện kiểm sát nhân dân tối cao              | 10/2014                 | Đã thông qua ngày 24/11/2014   |
| 5.  | Luật Tổ chức chính quyền địa phương  | Chính phủ                                   | 5/2015                  | Đã thông qua ngày 19/6/2015  |
| 6.  | Luật Kiểm toán nhà nước              | Kiểm toán nhà nước                          | 10/2014                 | Đã thông qua ngày 24/6/2015  |
| 7.  | Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam       | Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam | 10/2014                 | Đã thông qua ngày 09/6/2015  |
| 8.  | Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội | Ủy ban Thường vụ Quốc hội                   | 5/2015                  | Đã thông qua Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20/11/2015 |
| 9.  | Luật Giám sát của Hội đồng nhân dân  | Chính phủ                                   | 2015-2016               |  |

<sup>1</sup> Các nhóm dự án luật, pháp lệnh và tên dự án được liệt kê theo Danh mục ban hành kèm theo Nghị quyết số 718/NQ-UBTVQH13.

|     |   |                                |           |                              |
|-----|---|--------------------------------|-----------|------------------------------|
| 10. | Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân   | Ủy ban Thường vụ Quốc hội      | 5/2015    | Đã thông qua ngày 25/6/2015  |
| 11. | Bộ luật Tố tụng dân sự  | Tòa án nhân dân tối cao        | 2015-2016 | Đã thông qua ngày 25/11/2015 |
| 12. | Bộ luật Tố tụng hình sự   | Viện kiểm sát nhân dân tối cao | 2015-2016 | Đã thông qua ngày 27/11/2015 |
| 13. | Luật Tố tụng hành chính   | Tòa án nhân dân tối cao        | 2015-2016 | Đã thông qua ngày 25/11/2015 |
| 14. | Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (hợp nhất với Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân) | Chính phủ                      | 2014-2015 | Đã thông qua ngày 22/6/2015  |
| 15. | Luật Điều ước quốc tế   | Chính phủ                      | 2015-2016 | Đã thông qua ngày 09/4/2016  |
| 16. | Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài                        | Chính phủ                      | 2016-2020 | Đã thông qua ngày 21/11/2017 |
| 17. | Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự   | Chính phủ                      | 10/2014   | Đã thông qua ngày 26/11/2015 |
| 18. | Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự   | Chính phủ                      | 10/2014   | Đã thông qua ngày 25/11/2014 |
| 19. | Luật Bảo vệ bí mật nhà nước   | Chính phủ                      | 2015-2016 | Đã thông qua ngày 15/11/2018 |
| 20. | Pháp lệnh Trình tự, thủ tục áp dụng các biện pháp hành chính tại Tòa án nhân dân  | Tòa án nhân dân tối cao        | 10/2014   | Đã thông qua ngày 20/01/2014 |

## II. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân

|     |                 |           |            |   |
|-----|-----------------|-----------|------------|---|
| 21. | Bộ luật Hình sự | Chính phủ | 2015-2016  | Đã thông qua Bộ luật Hình sự ngày 27/11/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự (20/6/2017) |
| 22. | Bộ luật Dân sự  | Chính phủ | 2014 -2015 | Đã thông qua ngày 24/11/2015  |

|   |  |                       |            |                              |
|---|--|-----------------------|------------|------------------------------|
| 23.   | Luật Báo chí   | Chính phủ             | 2015-2016  | Đã thông qua ngày 05/4/2016  |
| 24.   | Luật Trưng cầu ý dân   | Hội Luật gia Việt Nam | 2015-2016  | Đã thông qua ngày 25/11/2015 |
| 25.   | Luật Hôn nhân và gia đình  | Chính phủ             | 5/2014     | Đã thông qua ngày 19/6/2014  |
| 26.   | Luật Tiếp cận thông tin  | Chính phủ             | 2015 -2016 | Đã thông qua ngày 06/4/2016  |
| 27.   | Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam  | Chính phủ             | 2015 -2016 | Đã thông qua ngày 25/11/2015 |
| 28.   | Luật Hộ tịch   | Chính phủ             | 5/2014     | Đã thông qua ngày 20/11/2014 |
| 29.   | Luật An toàn thông tin mạng  | Chính phủ             | 2014 -2015 | Đã thông qua ngày 19/11/2015 |
| 30.   | Luật Căn cước công dân   | Chính phủ             | 10/2014    | Đã thông qua ngày 20/11/2014 |
| 31.   | Luật Tín ngưỡng, tôn giáo  | Chính phủ             | 2014 -2016 | Đã thông qua ngày 18/11/2016 |
| <b>III. Kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường</b> |  |                       |            |                              |
| 32.   | Luật Doanh nghiệp  | Chính phủ             | 10/2014    | Đã thông qua ngày 26/11/2014 |
| 33.   | Luật Ngân sách nhà nước  | Chính phủ             | 10/2014    | Đã thông qua ngày 25/06/2015 |
| 34.   | Luật Quản lý ngoại thương  | Chính phủ             | 2015 -2020 | Đã thông qua ngày 12/06/2017 |
| 35.   | Luật Đấu giá tài sản   | Chính phủ             | 2015 -2020 | Đã thông qua ngày 17/11/2016 |
| 36.   | Luật Quản lý, sử dụng vốn Nhà nước vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp | Chính phủ             | 10/2014    | Đã thông qua ngày 26/11/2014 |
| 37.   | Luật Xây dựng  | Chính phủ             | 5/2014     | Đã thông qua ngày 18/6/2014  |
| 38.   | Luật Nhà ở   | Chính phủ             | 5/2014     | Đã thông qua ngày 25/11/2014 |
| 39.   | Luật Kinh doanh bất động sản   | Chính phủ             | 10/2014    | Đã thông qua ngày 25/11/2014 |

|     |  |                         |            |   |
|-----|--|-------------------------|------------|---|
| 40. | Luật Đầu tư  | Chính phủ               | 10/2014    | Đã thông qua ngày 26/11/2014  |
| 41. | Luật Đầu tư công                                   | Chính phủ               | 5/2014     | Đã thông qua Luật năm 2014 (ngày 18/6/2014) và năm 2019 (ngày 14/6/2019)  |
| 42. | Luật Phá sản                                       | Tòa án nhân dân tối cao | 5/2014     | Đã thông qua ngày 19/6/2014   |
| 43. | Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kế toán | Chính phủ               | 2014 -2015 | Đã thông qua ngày 20/11/2015  |
| 44. | Luật Thống kê                                      | Chính phủ               | 2014 -2015 | Đã thông qua ngày 23/11/2015  |
| 45. | Luật Thú y   | Chính phủ               | 2015 -2015 | Đã thông qua ngày 19/6/2015   |
| 46. | Luật Hải quan                                      | Chính phủ               | 5/2014     | Đã thông qua ngày 23/6/2014   |
| 47. | <i>Các đạo luật về thuế</i>                        | Chính phủ               | 2014-2020  | Đã thông qua các luật:<br>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (năm 2014)<br>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Luật về Thuế (năm 2014)<br>- Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu (sửa đổi) năm 2016<br>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Quản lý thuế (năm 2016)<br>- Luật Quản lý thuế năm 2019. |
| 48. | Luật Giáo dục                                      | Chính phủ               | 2016-2020  | Đã thông qua ngày 14/6/2019   |
| 49. | Luật An toàn, vệ sinh lao động                     | Chính phủ               | 2014 -2015 | Đã thông qua ngày 25/6/2015   |
| 50. | Luật Bảo hiểm xã hội                               | Chính phủ               | 5/2014     | Đã thông qua  |

|                           |   |           |            |  |
|---------------------------|---|-----------|------------|--|
|                           |   |           |            | ngày 20/11/2014  |
| 51.                       | Luật Giáo dục nghề nghiệp   | Chính phủ | 2014 -2015 | Đã thông qua ngày 27/11/2014   |
| 52.                       | Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế                      | Chính phủ | 5/2014     | Đã thông qua ngày 13/6/2014  |
| 53.                       | Luật Dược   | Chính phủ | 10/2014    | Đã thông qua ngày 06/4/2016  |
| 54.                       | Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam       | Chính phủ | 10/2014    | Đã thông qua ngày 21/11/2014   |
| 55.                       | Luật Bảo vệ môi trường  | Chính phủ | 2014 -2015 | Đã thông qua ngày 23/6/2014  |
| 56.                       | Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo                                   | Chính phủ | 2014 -2015 | Đã thông qua ngày 25/6/2015  |
| 57.                       | Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa      | Chính phủ | 5/2014     | Đã thông qua ngày 17/6/2014  |
| 58.                       | Luật Trẻ em   | Chính phủ | 2015 -2016 | Đã thông qua ngày 05/4/2016  |
| 59.                       | Luật Du lịch  | Chính phủ | 2015 -2020 | Đã thông qua ngày 19/6/2017  |
| 60.                       | Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao                  | Chính phủ | 2015 -2020 | Đã thông qua ngày 14/6/2018  |
| 61.                       | Luật Thủy sản   | Chính phủ | 2015 -2020 | Đã thông qua ngày 21/11/2017   |
| 62.                       | Luật Đo đạc và bản đồ   | Chính phủ | 2015 -2016 | Đã thông qua ngày 14/6/2018  |
| 63.                       | Luật Khí tượng thủy văn   | Chính phủ | 2015 -2016 | Đã thông qua ngày 23/11/2015   |
| <b>IV. Bảo vệ Tổ quốc</b> |   |           |            |  |
| 64.                       | Luật Công an nhân dân   | Chính phủ | 5/2014     | Đã thông qua Luật năm 2014 (ngày 27/11/2014) và năm 2018 (ngày 20/11/2018) |
| 65.                       | Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan quân đội nhân dân Việt Nam | Chính phủ | 5/2014     | Đã thông qua ngày 27/11/2014   |
| 66.                       | Luật Nghĩa vụ quân sự   | Chính phủ | 2015 -2016 | Đã thông qua ngày 19/6/2015  |
| 67.                       | Luật Cảnh vệ  | Chính phủ | 2015 -2016 | Đã thông qua ngày  |

|     |   |           |        |                              |
|-----|---|-----------|--------|------------------------------|
|     |   |           |        | 20/6/2017                    |
| 68. | Luật Xuất cảnh, nhập cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam | Chính phủ | 5/2014 | Đã thông qua ngày 16/6/2014  |
| 69. | Pháp lệnh Cảnh sát môi trường                                       | Chính phủ | 2014   | Đã thông qua ngày 23/12/2014 |

## **B. DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CHƯA ĐƯỢC BAN HÀNH**

### **I. Tổ chức bộ máy nhà nước và các thiết chế trong hệ thống chính trị**

|    |  |                         |           |   |
|----|--|-------------------------|-----------|---|
| 1. | Luật Chủ tịch nước                         | Chủ tịch nước           | 5/2015    | Đề xuất không xây dựng  |
| 2. | Luật Tổ tụng lao động                      | Tòa án nhân dân tối cao | 2015-2016 | Đề xuất không xây dựng vì nội dung đã được lồng ghép trong Bộ luật Tổ tụng dân sự |
| 3. | Luật Đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt  | Chính phủ               | 2015-2016 | Rút ra khỏi Chương trình; đang tiếp tục nghiên cứu                                |
| 4. | Luật về Hàm, cấp ngoại giao                | Chính phủ               | 2016-2020 | Chưa đề xuất đưa vào Chương trình   |
| 5. | Luật Thỏa thuận quốc tế                    | Chính phủ               | 2016-2020 | Đã đưa vào Chương trình năm 2020  |
| 6. | Pháp lệnh Đào tạo một số chức danh tư pháp | Chính phủ               | 10/2014   | Rút ra khỏi Chương trình  |

### **II. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân**

|     |                                      |           |           |  |
|-----|--------------------------------------|-----------|-----------|--|
| 7.  | Luật về Hội                          | Chính phủ | 2015-2016 | Rút ra khỏi Chương trình; đang tiếp tục nghiên cứu |
| 8.  | Luật Biểu tình                       | Chính phủ | 2015-2016 | Rút ra khỏi Chương trình; đang tiếp tục nghiên cứu |
| 9.  | Luật Bảo đảm trật tự, an toàn xã hội | Chính phủ | 2015-2016 | Chưa đề xuất đưa vào Chương trình                  |
| 10. | Luật Chứng thực                      | Chính phủ | 2015-2016 | Rút ra khỏi Chương trình                           |
| 11. | Luật Truy nã tội phạm                | Chính phủ | 2015-2020 | Chưa đề xuất đưa vào Chương trình                  |

### **III. Kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường**



|                           |   |           |           |  |
|---------------------------|---|-----------|-----------|--|
| 12.                       | Luật Năng lượng nguyên tử                           | Chính phủ | 2015-2016 | Rút ra khỏi Chương trình                       |
| 13.                       | Luật Tiền lương tối thiểu                           | Chính phủ | 2015-2016 | Chưa đề xuất đưa vào Chương trình              |
| 14.                       | Luật Thanh niên                                     | Chính phủ | 2015-2020 | Dự kiến trình Quốc hội tại kỳ họp thứ 8 - 2019 |
| 15.                       | Luật Bình đẳng giới (sửa đổi)                       | Chính phủ | 2016-2020 | Chưa đề xuất đưa vào Chương trình              |
| 16.                       | Luật Dân số   | Chính phủ | 2015-2020 | Rút ra khỏi Chương trình                       |
| 17.                       | Luật Hiến máu                                       | Chính phủ | 2015      | Rút ra khỏi Chương trình                       |
| <b>IV. Bảo vệ Tổ quốc</b> |   |           |           |  |
| 18.                       | Luật Tham gia hoạt động gìn giữ hòa bình            | Chính phủ | 10/2014   | Chưa đề xuất đưa vào Chương trình              |
| 19.                       | Luật Phòng, chống tội phạm có tổ chức               | Chính phủ | 2015-2020 | Chưa đề xuất đưa vào Chương trình              |
| 20.                       | Luật Công nghiệp quốc phòng và động viên quốc phòng | Chính phủ | 2016-2020 | Chưa đề xuất đưa vào Chương trình              |
| 21.                       | Luật về Tình trạng khẩn cấp                         | Chính phủ | 2016-2020 | Chưa đề xuất đưa vào Chương trình              |



## Phụ lục 2

CÁC LUẬT, PHÁP LỆNH NẴM NGOÀI DANH MỤC KÈM THEO NGHỊ QUYẾT  
SỐ 718/NQ-UBTVQH13 ĐÃ ĐƯỢC BAN HÀNH (đến hết tháng 6/2019)  
(Kèm theo Báo cáo số: 344/BC-CP ngày 22 tháng 8 năm 2019)

| TT  | TÊN DỰ ÁN  | CƠ QUAN CHỦ TRÌ | TIẾN ĐỘ HIỆN TẠI             |
|---|--|-----------------|------------------------------|
| <b>I. Tổ chức bộ máy nhà nước và các thiết chế trong hệ thống chính trị</b>       |  |                 |                              |
| 1.  | Luật Phòng, chống tham nhũng   | Chính phủ       | Đã thông qua ngày 20/11/2018 |
| 2.  | Luật Thi hành án hình sự   | Chính phủ       | Đã thông qua ngày 14/6/2019  |
| <b>II. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân</b>                 |  |                 |                              |
| 3.  | Luật Trợ giúp pháp lý  | Chính phủ       | Đã thông qua ngày 20/6/2017  |
| 4.  | Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước   | Chính phủ       | Đã thông qua ngày 20/6/2017  |
| 5.  | Luật Tố cáo  | Chính phủ       | Đã thông qua ngày 12/6/2018  |
| 6.  | Luật Đặc xá  | Chính phủ       | Đã thông qua ngày 19/11/2018 |
| 7.  | Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam  | Chính phủ       | Đã thông qua ngày 24/6/2014  |
| <b>III. Kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường</b> |  |                 |                              |
| 8.  | Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư | Chính phủ       | Đã thông qua ngày 22/11/2016 |
| 9.  | Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa  | Chính phủ       | Đã thông qua ngày 12/6/2017  |
| 10.   | Luật Quản lý, sử dụng tài sản công   | Chính phủ       | Đã thông qua ngày 21/6/2017  |
| 11.   | Luật Đường sắt   | Chính phủ       | Đã thông qua ngày 16/6/2017  |
| 12.   | Luật Thủy lợi  | Chính phủ       | Đã thông qua ngày 19/6/2017  |
| 13.   | Luật Chuyển giao công nghệ   | Chính phủ       | Đã thông qua ngày 19/6/2017  |
| 14.   | Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng  | Chính phủ       | Đã thông qua ngày 20/11/2017 |
| 15.   | Luật Phí, lệ phí   | Chính phủ       | Đã thông qua ngày 25/11/2015 |
| 16.   | Luật Quản lý nợ công   | Chính phủ       | Đã thông qua ngày 23/11/2017 |
| 17.   | Luật Quy hoạch   | Chính phủ       | Đã thông qua ngày 24/11/2017 |
| 18.   | Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch   | Chính phủ       | Đã thông qua ngày 20/11/2018 |
| 19.   | Luật Lâm nghiệp  | Chính phủ       | Đã thông qua ngày 15/11/2017 |

|                           |   |           |                              |
|---------------------------|---|-----------|------------------------------|
| 20.                       | Luật Công chứng   | Chính phủ | Đã thông qua ngày 20/6/2014  |
| 21.                       | Luật Cảnh tranh   | Chính phủ | Đã thông qua ngày 12/6/2018  |
| 22.                       | Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học                           | Chính phủ | Đã thông qua ngày 19/11/2018 |
| 23.                       | Luật Trồng trọt   | Chính phủ | Đã thông qua ngày 19/11/2018 |
| 24.                       | Luật Chăn nuôi  | Chính phủ | Đã thông qua ngày 19/11/2018 |
| 25.                       | Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia   | Chính phủ | Đã thông qua ngày 14/6/2019  |
| 26.                       | Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật Sở hữu trí tuệ | Chính phủ | Đã thông qua ngày 14/6/2019  |
| 27.                       | Luật Kiến trúc  | Chính phủ | Đã thông qua ngày 13/6/2019  |
| 28.                       | Pháp lệnh Quản lý thị trường  | Chính phủ | Đã thông qua ngày 08/3/2016  |
| 29.                       | Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của 04 pháp lệnh có liên quan đến quy hoạch    | Chính phủ | Đã thông qua ngày 22/12/2018 |
| <b>IV. Bảo vệ Tổ quốc</b> |   |           |                              |
| 30.                       | Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ                           | Chính phủ | Đã thông qua ngày 20/6/2017  |
| 31.                       | Luật An ninh mạng   | Chính phủ | Đã thông qua ngày 12/6/2018  |
| 32.                       | Luật Quốc phòng   | Chính phủ | Đã thông qua ngày 08/6/2018  |
| 33.                       | Luật Cảnh sát biển Việt Nam   | Chính phủ | Đã thông qua ngày 19/11/2018 |
| 34.                       | Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng                       | Chính phủ | Đã thông qua ngày 26/11/2015 |



### Phụ lục 3

## BÁO CÁO CỦA CÁC CƠ QUAN VỀ SƠ KẾT 05 NĂM TRIỂN KHAI THI HÀNH HIẾN PHÁP NĂM 2013

(xem theo Báo cáo số: 344/BC-CP ngày 22 tháng 8 năm 2019)

| TT | SỐ, KÝ HIỆU BÁO CÁO        | NGÀY BAN HÀNH | CƠ QUAN                                     |
|----|----------------------------|---------------|---|
| 1  | Báo cáo số 429/BC-UBTVQH14 | 26/6/2019     | Ủy ban Thường vụ Quốc hội                   |
| 2  | Báo cáo số 02/BC-CTN       | 02/7/2019     | Chủ tịch nước                               |
| 3  | Báo cáo số 323/BC-CP       | 14/8/2019     | Chính phủ                                   |
| 4  | Báo cáo số 38/BC-TA        | 16/7/2019     | Tòa án nhân dân tối cao                     |
| 5  | Báo cáo số 131/BC-VKSTC    | 22/7/2019     | Viện Kiểm sát nhân dân tối cao              |
| 6  | Báo cáo số 817/BC-KTNN     | 01/7/2019     | Kiểm toán Nhà nước                          |
| 7  | Báo cáo số 763/BC-MTTW-BTT | 18/6/2019     | Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam |